

2
0
1
7

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



“Đi là đến”



**TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**





TẦM NHÌN

“Trở thành Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Dương từ 2015 – 2019”

SỨ MỆNH

“Không ngừng sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên.”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

-  **Đổi mới tư duy.**
-  **Đột phá hiệu quả.**
-  **Năng động sáng tạo.**
-  **Đoàn kết phát triển.**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thưa quý cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL), tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư đã tin nhiệm, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt một năm qua!

Năm 2017, nền kinh tế của đất nước có nhiều khởi sắc. Trong số 13 chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội giao có 8 chỉ tiêu đạt và 5 chỉ tiêu vượt mục tiêu kế hoạch. Đáng chú ý nhất là mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017 là 6,7%, đạt mục tiêu đề ra. Thị trường chứng khoán vượt điểm cao nhất kể từ năm 2008. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,6%.

Tuy nhiên, cơ hội luôn đi song hành với thử thách, cả nước vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đó là: Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, năng suất lao động chưa cao; một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng thấp; tình hình sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ chế chính sách còn bất cập; nhiều doanh nghiệp

mới được thành lập nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực rườm rà, phức tạp,...

Thế nhưng, vượt qua tất cả, dưới sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của HĐQT cùng với sự tin tưởng, song hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư cũng như sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể CBNV, người lao động, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: Kết thúc năm tài chính 2017, doanh thu thực hiện được 2.913,8 tỷ đồng, đạt 104,1% kế hoạch, tăng 17% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế 59,4 tỷ đồng, tăng 7,14% so với năm trước.

Các lĩnh vực hoạt động đầu tư và kinh doanh đều có sự tăng trưởng vượt bậc, nhất là các ngành: cơ sở hạ tầng, bất động sản, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, ... Một số sự kiện quan trọng của Tập đoàn đã diễn ra trong năm 2017, là: Tập đoàn đã tham dự Hội nghị xúc tiến đầu tư Tây Nguyên và Hội nghị xúc tiến đầu tư các tỉnh, qua đó đã ký kết với các tỉnh thỏa thuận đầu tư nhiều dự án lớn; đã động thổ xây dựng Thủy điện Tân Thượng (Lâm Đồng) vào tháng 01 năm 2017; chính thức phát điện tổ máy số 1 Thủy điện Đắk Pô Cô, hòa lưới điện quốc gia từ cuối năm 2017; cơ bản hoàn thành thi công và chuẩn bị đưa vào khai thác Khách sạn 05 sao Đức Long Mỹ Khê (Đà Nẵng); khởi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; mua và được giao quyền điều hành Dự án Khu biệt thự và khách sạn thuộc Khu Du lịch Phục hợp Bãi Trường tại Phú Quốc, hiện đang hoàn thiện thiết kế để thi công, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường du lịch nghỉ dưỡng đầy tiềm năng này. Ngoài ra, ĐLGL đã

được các tỉnh, thành phố đồng ý cho nghiên cứu, lập dự án đầu tư nhiều dự án Khách sạn – nghỉ dưỡng trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Tập đoàn cũng đã hoàn thành việc đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại và nhân lực, đưa vào hoạt động Nhà máy điện tử DLG – QSIIC tại Khu Công nghệ cao Quận 9; tiếp tục đầu tư và mở rộng nhiều dự án bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh;...

Thưa quý cổ đông!

Bước sang năm 2018 – năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm bản lề kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017 – 2022. Nền kinh tế Việt Nam bước sang năm 2018 với nhiều yếu tố thuận lợi. Dự báo khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2018 sẽ tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt. Đặc biệt, việc triển khai Nghị quyết Hội nghị TW5 về đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế được kỳ vọng sẽ tạo cú huých mới cho kinh tế tư nhân phát triển...

Đối với Đức Long Gia Lai, với uy tín, thương hiệu và năng lực sẵn có, cùng rất nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được ĐLGL triển khai, thì các chủ trương đúng đắn của Chính phủ trong việc hỗ trợ doanh nghiệp là nhân tố hết sức thuận lợi, chấp cánh cho ĐLGL thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình. Giữ vững tinh thần năng động, nắm bắt xu thế, đón đầu các cơ hội, tận dụng thời cơ, phấn đấu tạo nên những bước đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tập đoàn Đức Long Gia Lai bước vào năm mới 2018 với thông điệp hành động **“CHỦ TRƯỞNG LÀ MỘT, QUYẾT TÂM LÀ MƯỜI, HÀNH ĐỘNG LÀ MỘT TRĂM, NIỀM TIN LÀ MỘT NGHÌN”**, giữ vững phương châm xuyên suốt: **“ĐỨC LONG – ĐI LÀ ĐẾN”**, kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2017 – 2022, không ngừng tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.

Cá nhân Tôi, với khẩu hiệu hành động: **“02 sẵn sàng, 03 cương quyết”**, Tôi quyết tâm đưa Đức Long Gia Lai trở thành một trong những Tập đoàn kinh tế mạnh hàng đầu của Việt Nam vào năm 2022 cả về thương hiệu, vốn hóa, quản trị doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh. Tôi cam kết tập trung toàn bộ trí lực, vật lực, hành động quyết liệt thực hiện bằng được mục tiêu này; đồng thời sẽ làm bất cứ những gì tốt nhất, đem lại quyền lợi cao nhất cho Quý cổ đông và nhà đầu tư. Mong rằng các thành viên HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn Đức Long Gia Lai ủng hộ và đồng hành cùng Tôi trong việc thực hiện khẩu hiệu hành động và phấn đấu đạt được mục tiêu đã đề ra.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược, kế hoạch kinh doanh cũng như về quản trị doanh nghiệp. Cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào ĐLGL. Cảm ơn toàn thể CBCNV vì sự chuyên nghiệp, trung thành, cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp và nhất là xin cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông. Mong rằng, quý vị cổ đông, các đối tác, khách hàng tiếp tục tin tưởng, hợp tác gắn bó, ủng hộ HĐQT trên bước đường phát triển hiện tại và lâu dài của Tập đoàn ĐLGL. Chúng tôi cam kết sẽ thường xuyên thông tin đến quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng một cách kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Tóm tắt hoạt động của HĐQT năm 2017

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.850.578.150.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.850.578.150.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Mã cổ phiếu: DLG

**Quá
trình
hình
thành
và
phát
triển**

+ Năm 2017

DLG tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

Ngoài việc tiếp tục đầu tư phát triển lĩnh vực bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử và nông nghiệp, Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) còn tập trung vào lĩnh vực đầu tư xây dựng dân dụng – cầu đường và công nghiệp.

+ Năm 2016

DLG tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ Tháng 06/2010

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG.

+ Tháng 06/2007

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

+ Tháng 09/1995

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng và 9.700 m² đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

Các hoạt động nổi bật trong năm 2017

- Ngày 1/1/2017, dự án thủy điện Tân Thượng tại xã Tân Lâm, huyện Di Linh và xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà (tỉnh Lâm Đồng) chính thức khởi công. Dự án có công suất 27 MW cho sản lượng điện 108 triệu kWh/năm, tổng vốn đầu tư 918 tỷ đồng. Đây là dự án thứ 4 trong chuỗi 8 dự án thủy điện của Đức Long Gia Lai phát triển tại khu vực Tây Nguyên.



- Ngày 1/3/2017, tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai, Công ty đã ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư chính thức dự án khu trung tâm mở rộng phía Đông Chư Sê. Đây là dự án đầu tư quy mô lớn với tổng vốn 2.120 tỷ đồng, diện tích 75,1 ha, bao gồm 3 hạng mục công trình chính: Khu trung tâm hành chính thị xã Chư Sê mới, Khu dân cư tiếp giáp với trung tâm hành chính thị xã Chư Sê mới và Công viên cảnh quan trung tâm.



- Ngày 19/4/2017, tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Thuận, Công ty đã ký kết thỏa thuận nguyên tắc đầu tư với UBND tỉnh Bình Thuận. Cụ thể, DLG và các công ty thành viên đăng ký đầu tư 3 dự án năng lượng với tổng vốn đầu tư hơn 13.000 tỷ đồng. Trong đó, DLG đầu tư nhà máy sản xuất điện mặt trời, công suất 200 MW tại xã Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, diện tích 309,26 ha, tổng vốn đầu tư dự án 6.000 tỷ đồng. Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Đức Phú Gia đăng ký đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp Điện

Năng Lượng Tái Tạo Đức Phú Gia tại xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, diện tích 131,21 ha, tổng vốn đầu tư dự án 2.800 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đức Thành Gia Lai đăng ký đầu tư Nhà máy sản xuất điện mặt trời, công suất 150 MW tại xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình và xã Thiện Nghiệp, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, diện tích 211,6 ha, tổng vốn đầu tư dự án 5.000 tỷ đồng.

- Ngày 19/6/2017, tại thủ đô Seoul, Hàn Quốc Công ty đã ký kết hợp tác với Tập đoàn CY (thành viên của Tập đoàn Lotte Hàn Quốc) về các lĩnh vực xây dựng, cầu đường, năng lượng, bất động sản, xuất nhập khẩu. Theo đó, DLG và CY sẽ thành lập một công ty liên doanh để làm nhà thầu chính các công trình xây dựng cho Tập đoàn LOTTE trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Đồng thời, công ty liên doanh này sẽ cung cấp, lắp các thiết bị điện nước, nội thất và đèn led cho các hệ thống siêu thị của Lotte.





- Ngày 10/08/2017, 2 trạm thu phí Đức Long Gia Lai trên Quốc lộ 14 đoạn qua Gia Lai đã bàn giao việc quản lý thu phí cho chủ đầu tư thu phí tự động VETC, đánh dấu việc hoàn thành lắp đặt dự án thu phí tự động tại đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên.

- Tháng 11/2017, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai xếp thứ 33 trong tổng số 114 doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin năm 2017. Đây là cuộc bình chọn các doanh nghiệp tuân thủ đúng và đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin (IR) trên thị trường Chứng khoán Việt Nam do Vietstock phối hợp với báo Tài chính và cuộc sống tổ chức.



- Tháng 11/2017, Đức Long Gia Lai khởi công xây dựng khách sạn 4 sao tại trung tâm TP.Pleiku. Dự án được xây dựng trên diện tích 500 m2 có quy mô 12 tầng với tổng mức đầu tư gần 135 tỷ đồng, dự kiến được thực hiện trong thời gian từ nay đến cuối năm 2018. Dự án với quy mô gần 100 phòng nghỉ và nhà hàng, phòng hội nghị... Công trình được thiết kế theo phong cách tân cổ điển được trang trí mềm mại, sang trọng với không gian mở, tầm nhìn bao quát toàn cảnh thành phố, tạo cảm giác thoải mái cho khách đến lưu trú.

- Tháng 11/2017, Chủ tịch CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai tham gia tuần lễ cấp cao APEC tại Đà Nẵng.

Thành tích đạt được



Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.



3 lần nhận Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.



3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.



4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.

Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.



Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi-Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 4 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bằng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.

Trong năm 2017, Ông Chủ tịch Bùi Pháp đứng trong top 15 người giàu trên thị trường chứng khoán.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Ngành nghề chiến lược:
Bất động sản
Cơ sở hạ tầng
Năng lượng
Sản xuất linh kiện điện tử

Ngành nghề truyền thống
Dịch vụ Bến xe, Bãi đỗ xe
Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn và Khu
nghỉ dưỡng
Dịch vụ Bảo vệ, Vệ sĩ



Địa bàn kinh doanh:

Là một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn đang mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

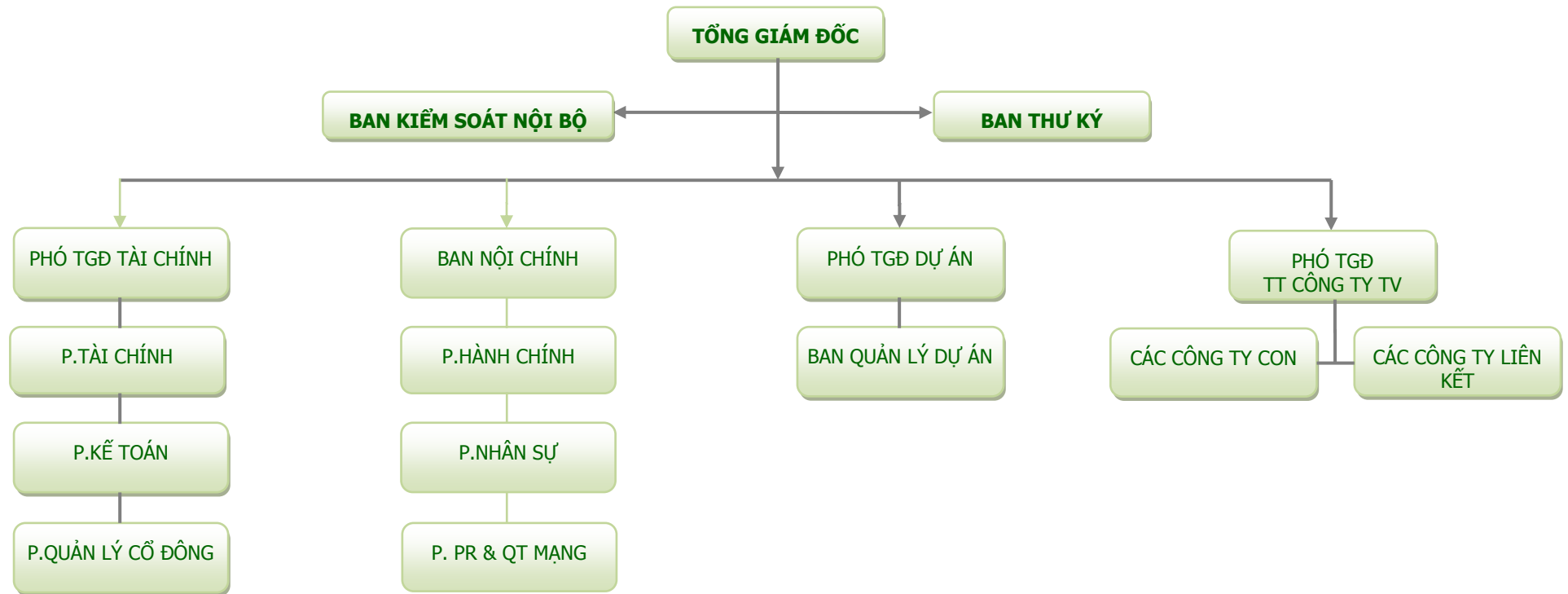
Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I. Công ty con					
1	Công ty cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	601	84,03%
2	CTCP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế - Trà Bá - Pleiku - Gia Lai	Trồng cây cao su, trồng cây lâu năm khác, ...	47	96,81%
3	CTCP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 14/3/2017)	73A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 15, quận Phú Nhuận, TP.HCM.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	3,4	48%
4	CTCP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Tổ 9, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	250	70,60%
5	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	270	73,49%
6	CTCP Đức Long Đà Nẵng	47, Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, ...	25	85,00%
7	Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	211 thôn Phú Hà, Xã Ia Blứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác, trồng cây lấy củ có chất bột, ...	360,5	99,86%

8	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện điện tử, ...	320	97,73%
9	Công ty CP Năng lượng Tân Thương	18 Hà Huy Tập, phường 3. TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Xây dựng thủy điện, ...	155	88%
II. Công ty liên kết					
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	53 Quang Trung Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%
2	Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn - Trà Bá - Pleiku - Gia Lai	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, ...	60	33,33%
3	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su,	15	40,00%
4	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, ...	2,28	40,00%
5	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Số 08, Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện, ...	90	20%

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Phấn đấu đến năm 2020, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

Về doanh thu và lợi nhuận:
Đức Long Gia Lai phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

Đối với môi trường: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...

Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội

Đối với cộng đồng: những công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020 với các Lĩnh vực cốt lõi:

➤ **Cơ sở hạ tầng:** Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu hành chính kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

➤ **Bất động sản:** Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án bất động sản tại Quận 2, Quận 4, Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân TP.HCM. Nguồn đất có được từ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng bằng hình thức BT (đổi đất lấy hạ tầng), Đức Long Gia Lai tiếp tục triển khai các dự án đầu tư bất động sản tại TP.HCM và tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2018 – 2020 và các năm tiếp theo. Đưa Đức Long Gia Lai trở thành thương hiệu đứng đầu cả nước trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản trong tương lai.

➤ **Năng lượng:** Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo, theo hình thức phân tán kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Phân đấu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai.

Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng các Dự án thủy điện: Thủy điện Tân Thượng (hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại vào năm 2019). Chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ 2018 – 2020. Lập thủ tục đầu tư các dự án điện năng lượng mặt trời, điện gió kết hợp du lịch tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk với tổng công suất từ 700 – 800 MW, vốn đầu tư từ 20.000 – 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2018 – 2022.

➤ **Sản xuất linh kiện điện tử:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở nước ta, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quảng, tỉnh Quảng Đông và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Seoul Hàn Quốc. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị máy móc, đưa Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao – Quận 9, TP.HCM vào sản xuất và xuất khẩu sản phẩm đi các nước. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 01 nhà máy sản xuất đèn led tại TP. Đà Nẵng.

Các rủi ro

Các yếu tố rủi ro

- Rủi ro kinh tế

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình. Trong năm 2017, với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam. Cụ thể, CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017. Theo Tổng cục Thống kê năm 2017 là năm thành công trong việc kiểm soát lạm phát. Bình quân năm 2017 lạm phát cơ bản là 1,41% thấp hơn mức kế hoạch từ 1,6-1,8%, cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

- Rủi ro lãi suất

✓ Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

- Rủi ro tỷ giá

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

- Rủi ro pháp luật

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

- Rủi ro môi trường

✓ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

Rủi ro đặc thù ngành

- Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:

✓ Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.

- Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.

- Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:

✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.

- Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:

✓ Kể từ ngày 16/7/2015, Công ty TNHH Mass Noble Investments (“Mass Noble”) chính thức trở thành công ty con của Đức Long Gia Lai có trụ sở tại Hồng Kông, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất điện tử và linh kiện điện tử. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Đây có thể coi là một thành công của Mass Noble trong thời gian qua. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp Mass Noble dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.



Tình hình hoạt động

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2017/2016 (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.637.715	2.490.622	2.913.845	16,99%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.481.048	2.014.661	2.409.618	19,60%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	156.666	462.621	487.891	5,46%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	104.493	87.908	153.392	74,49%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	159.455	309.517	352.361	13,84%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	14.521	18.970	41.173	117,04%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	64.186	131.360	171.851	30,82%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	23.201	90.845	76.103	-16,23%
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	59.607	-5.320	12.650	-337,78%
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	82,809	85,525	88,752	3,77%
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	81,061	55,405	59,362	7,14%

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Với 5 lĩnh vực trọng tâm: Cơ sở hạ tầng, Bất động sản, Năng lượng, Sản xuất linh kiện điện tử, Nông nghiệp, Đức Long Gia Lai đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Những con số ấn tượng về doanh thu cũng như lợi nhuận hoạt động đã minh chứng cho những nỗ lực vượt bậc của Đức Long Gia Lai. Cùng với đó, nhờ tiến hành cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của Đức Long Gia Lai không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	TH 2017/KH
Doanh thu	Tỷ đồng	2.800	2.914	104,1%
Lợi nhuận	Tỷ đồng	200	88,8	44,4%

Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, lợi nhuận đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHĐCĐ thường niên 2017.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phạm Anh Hùng	Tổng giám đốc	0	0	
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	0	0	Đã miễn nhiệm ngày 28/02/2017
3	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0	
4	Phan Xuân Viên	Phó Tổng giám đốc	0	0	Đã miễn nhiệm ngày 31/1/2018
5	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	65.133	0,0228	
6	Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	33.790	0,0118	



Ông Phạm Anh Hùng – Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- ✓ 2000 – 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- ✓ 2006 – 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- ✓ 11/2010 – 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 4/2011 – 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 1/1/2014 đến 31/3/2018: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Tổng giám đốc

(Đã miễn nhiệm ngày 28/02/2017)

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ 1991 – 2002: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
- ✓ 2002 – 2007 : Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai.
- ✓ 2007 – 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai, Chuyên viên Ban đầu tư phát triển Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2008 – 2009: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 2009 - 2/2017: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Phạm Minh Việt – Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- ✓ 2000 – 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.
- ✓ 2003- 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- ✓ 2006 – 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- ✓ 2008 – 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai



Ông Phan Xuân Viên – Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ 1990 – 2005: Giám đốc Công ty XNK thương mại Thừa Thiên – Huế.
- ✓ 2005 – 2006: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2007 – 1/2018: Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án phía Nam.



Ông Trần Văn Phương – Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

- ✓ 2007 – 01/2009 : Công ty THHH XDCT Hùng Vương.
- ✓ 02/2009 – 04/2012 : Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 05/2012 – 08/2013 : Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai
- ✓ 09/2013 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 06/2017 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Bà Vũ Thị Hải – Kế toán trưởng

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ 1987 – 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- ✓ 1/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 3/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 5/2011- 6/2013 : Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính. Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Những thay đổi trong ban điều hành

Ban điều hành Tập đoàn trong năm 2017 duy trì hoạt động ổn định (Ban Giám đốc gồm 01 Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc, trong đó tháng 02/2017 Phó Tổng giám đốc Nguyễn Tiến Dũng miễn nhiệm vì lý do cá nhân). Các thành viên trong ban điều hành phối hợp tích cực thực hiện quyết liệt các chủ trương do Hội đồng quản trị đề ra.

Số lượng cán bộ, nhân viên - Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thống kê nhân sự

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn tính đến 31/12/2017 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2017 là 9 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 9,5 triệu đồng/người/tháng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.000.000	8.000.000	9.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	8.500.000	9.500.000

Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG – nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

- Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa

ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

- Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần), qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

- Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

- Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực

hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bố trí chức vụ cao hơn.

- Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường – điều kiện làm việc

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc.



Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.



Công việc thách thức và sáng tạo.



Thu nhập cạnh tranh và công bằng.



Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng, không giới hạn



Thành tích được đánh giá khách quan, khoa học.



Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm

Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
Cho vay ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	355.691	481.256
Cho vay ngắn hạn cá nhân	Tr.đồng	544.465	508.143

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2016	2017
Đầu tư góp vốn	32.225	2.700
CTCP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600	-
CTCP ĐĐT XD Nam Nguyên	968	-
CTY TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	1.200	1.200
CTCP Đầu tư và PT Điện năng Đức Long Gia Lai	3.503	-
CTCP ĐT & KD Bất động sản Đức Long Gia Lai	4.000	-
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
CTCP ĐT&PT DV Công Trình Công cộng Đức Long Gia Lai	8.200	-
CTCP Đầu Tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai	8.274	1.020
Cho vay	225.647	752.538
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	65.441	324.063

CTCP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	19.250	18.200
Công ty CP đầu tư xây dựng Vạn Gia Long	-	14.839
Các đối tượng khác	140.956	395.436

Tình hình thực hiện các dự án

Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ), Dự án thủy điện và năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2017:

STT	Dự án	Số tiền sử dụng vốn đã huy động từ đợt phát hành	Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành	Lý do chưa sử dụng hết số tiền
1	Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	159.926.383.234	140.073.616.766	Dự án đang triển khai
2	Dự án thủy điện và năng lượng (*)	150.000.000.000	117.215.181.926	32.784.818.074	Dự án đang triển khai
3	Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	0	-
Tổng cộng		500.000.000.000	327.141.565.160	172.858.434.840	

Công ty TNHH Mass Noble Limited

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.102,55	1.600,86
2	LNTT	Tỷ đồng	5,88	17,51
3	Tài sản	Tỷ đồng	746,27	874,82
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320,06	320,06

CTCP BOT&BT Đức Long Đăk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	187,92	204,15
2	LNTT	Tỷ đồng	28,57	31,57
3	Tài sản	Tỷ đồng	1,233,32	1.245,53
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250,00	250,00

CTCP BOT&BT Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	126,06	135,94
2	LNTT	Tỷ đồng	(24,54)	(26,60)
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.250,71	1.215,31
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	203,73	203,73

Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	203,59	159,37
2	LNTT	Tỷ đồng	(1,68)	1,31
3	Tài sản	Tỷ đồng	265,56	267,88
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	245,07	247,62

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty liên kết
Công ty TNHH Cung ứng vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	Tỷ đồng	345,87	515,15
2	LNTT	Tỷ đồng	0,21	0,27
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	60,00	60,00

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	7.005.648	8.312.491	18,65%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.477.281	2.897.509	16,96%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	90.844	76.103	-16,23%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(5.320)	12.650	337,78%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	85.524	88.752	3,77%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	55.405	59.362	7,14%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,10	1,87	

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,82	1,57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	62,08	59,67	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,63	1,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,07	4,8	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,35	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,65	2,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,47	1,76	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,94	0,71	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,08	2,62	

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể hiện xu hướng chung trong năm 2017 là sự chuyển biến tích cực, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

So sánh tình hình tài chính năm 2017 với công ty cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	DLG	HAG	Chênh lệch
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	8.313	53.000	(44.687)
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.898	4.841	(1.943)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	76,1	830	(754)
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	12,6	-400	413
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,8	-430	519
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	59,4	371	(312)

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

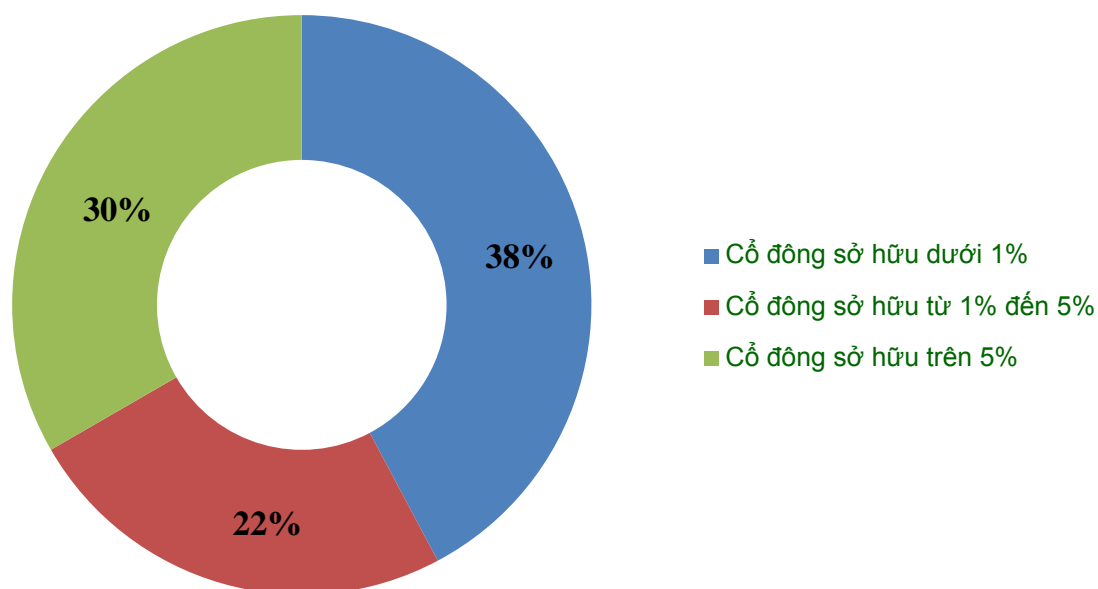
- + Số cổ phiếu phổ thông: 285.057.815 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 285.057.815 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 28/3/2017

+ Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	244.649.747	85,82%
<i>Cá nhân</i>	<i>242.333.761</i>	<i>85,01%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>2.315.986</i>	<i>0,81%</i>
Cổ đông nước ngoài	40.408.068	14,18%
<i>Cá nhân</i>	<i>257.736</i>	<i>0,09%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>40.150.332</i>	<i>14,09%</i>
Tổng	285.057.815	100%

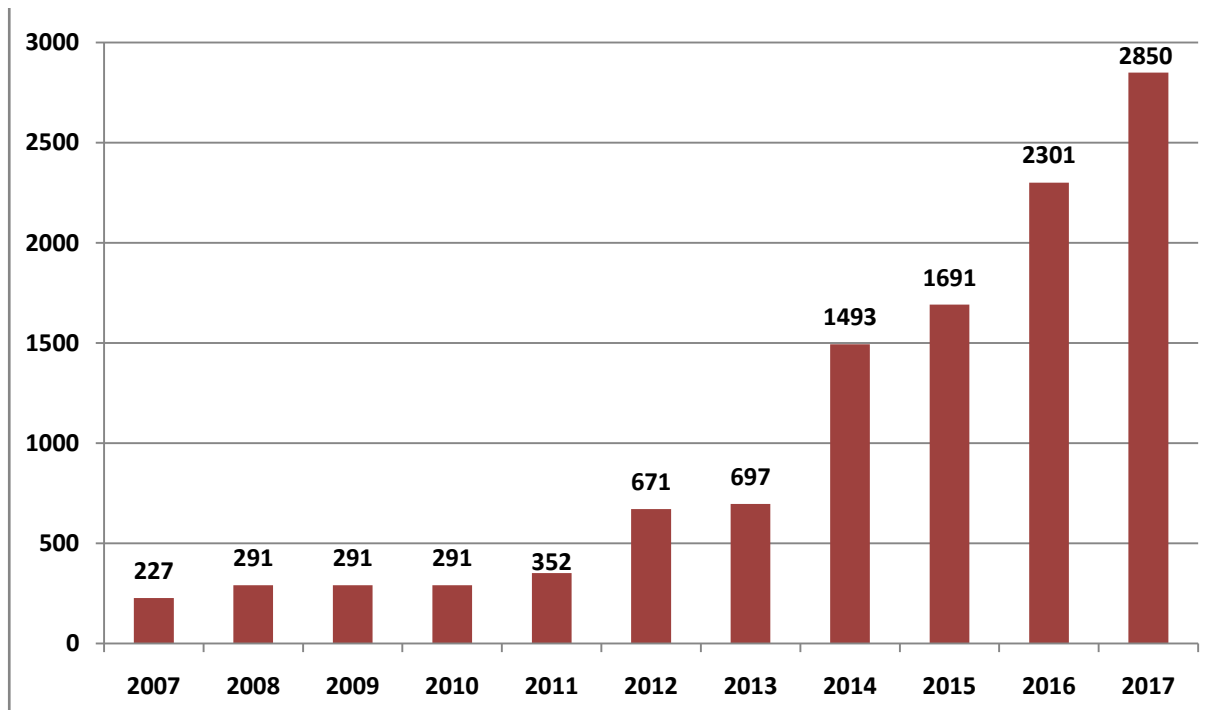
CO CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



+ Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	53.168.118	18,65%
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	33.199.551	11,65%

+ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2017 (TỶ ĐỒNG)



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2017 (TỶ ĐỒNG)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Đức Long Gia Lai đã tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác:

Trong năm 2017, Công ty phát hành riêng lẻ theo phương thức Đại lý phát hành Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Tại ngày phát hành, trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 134 tỷ đồng, với mệnh giá: 1 tỷ đồng/1 Trái phiếu với kỳ hạn là 5 năm.

Số tiền 134 tỷ thu được từ đợt phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng vào các mục đích sau: 46 tỷ VNĐ tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu được sử dụng để trả nợ cho Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông và 88 tỷ VNĐ tiền thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để thực hiện chương trình dự án đầu tư của Đức Long Gia Lai (cụ thể, đầu tư dự án khách sạn Đức Long Mỹ Khê hiện đang được vận hành bởi Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, thông qua việc mua lại một phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai trong Công ty TNHH Đức Long Dung Quất).

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là BOT, linh kiện điện tử, năng lượng, xây dựng và dịch vụ bất động sản.

- Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử: Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Hàn Quốc và Trung Quốc. Trong năm, Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắc khe về môi trường ở các nước sở tại
- Lĩnh vực năng lượng: Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời)
- Lĩnh vực BOT, xây dựng và dịch vụ bất động sản: Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:
 - + Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.

- + Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao

Lĩnh vực BOT, xây dựng và dịch vụ bất động sản: Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý
 - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.
 - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.
 - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.
- Biện pháp kỹ thuật
 - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.
 - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.
 - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.
- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải
 - + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.
 - + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.
 - + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong

- kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.
- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải
 - + Không vận chuyên, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
 - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
 - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, DLG không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa DLG trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam

DLG luôn tuân thủ việc đóng thuế cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà DLG đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020, trong đó có việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngoài nỗ lực của Chính phủ còn cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. DLG luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước.

- Những tồn tại của nền kinh tế trong nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) không phải là ngoại lệ.

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, DLG có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

Thuận lợi:

✓ Trong năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; kiên định mục tiêu tăng trưởng đề ra, ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện, theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, có đối sách, biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

✓ DLG với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra, được các kỳ Đại hội cổ đông thông qua, là cơ sở cho việc định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

Những khó khăn, thách thức:

✓ Một số chủ trương của Nhà nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn, như chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 (tại Thông báo số 191 của Văn phòng Chính phủ) đã làm chậm tiến độ triển khai một số dự án có ảnh hưởng đến diện tích rừng của Tập đoàn;

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

✓ Tác động của các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của DLG, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Hoạt động đầu tư:

Năm 2017 được đánh giá là năm thành công trong hoạt động đầu tư của Đức Long Gia Lai. Một số sự kiện đầu tư nổi bật trong năm là:

+ Đức Long Gia Lai đã khởi công các dự án bất động sản tại Quận 2, Quận 4, Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân TP.HCM. Đức Long Gia Lai tiếp tục triển khai các dự án đầu tư bất động sản tại TP.HCM và tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2018 – 2020 và các năm tiếp theo.

+ Đức Long Gia Lai đã lập thủ tục đầu tư và đang được UBND thành phố Hồ Chí Minh xem xét chủ trương đầu tư Dự án đầu tư đường Tam Tân và nút xoay cầu An Hạ bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng;

+ Các dự án đầu tư theo hình thức BT trên sẽ đem về cho DLG các khu đất tiềm năng tại các cơ sở để DLG đẩy mạnh đầu tư, phát triển mạnh mẽ bất động sản trong giai đoạn 2017 – 2022 và các giai đoạn tiếp theo;

+ Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý của Dự án Điện mặt trời Thuận Nam Đức Long tại tỉnh Ninh Thuận và Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận, dự kiến hoàn khởi công xây dựng vào Quý IV/2018. Bên cạnh đó, DLG đang hoàn chỉnh các thủ tục xin chủ trương đầu tư các dự án điện gió và điện mặt trời tại các tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk....;

+ Đức Long Gia Lai đã khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng; Dự án thủy điện Đắk Sor 2 với công suất 7,5 MW tại tỉnh Đắk Nông và các dự án thủy điện nhỏ và vừa khác tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Kon Tum.

+ Kết quả đạt được của các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư 2017 một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT trong việc lựa chọn đầu tư các lĩnh vực đầu tư trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban lãnh đạo DLG, sẵn sàng song hành cùng Đức Long Gia Lai trong những chặng đường sắp tới. Với những nền tảng đạt được trong năm 2017, bước sang năm 2018, DLG khẳng định sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng 2017/2016	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	3.084.462	3.297.981	213.519	7%
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.809	373.766	276.957	286%
Đầu tư ngắn hạn	580.095	297.462	-282.633	-49%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.990.009	2.056.915	66.906	3%
Hàng tồn kho	413.497	541.211	127.714	31%
Tài sản ngắn hạn khác	4.053	28.627	24.574	606%
Tổng tài sản ngắn hạn	3.084.462	3.297.981	213.519	7%
Tài sản dài hạn	3.921.186	5.014.509	1.093.323	28%
Các khoản phải thu dài hạn	248.386	1.252.611	1.004.225	404%
Tài sản cố định	2.584.571	2.664.947	80.376	3%
Bất động sản đầu tư	108.217	105.326	-2.891	-3%
Tài sản dở dang dài hạn	603.458	660.713	57.255	9%
Các khoản đầu tư dài hạn	56.467	29.040	-27.427	-49%
Tài sản dài hạn khác	320.087	301.872	-18.215	-6%
Tổng tài sản dài hạn	3.921.186	5.014.509	1.093.323	28%
Tổng tài sản	7.005.648	8.312.490	1.306.842	19%

Tổng Tài sản năm 2017 tăng cao so với năm 2016 với giá trị: 1.306 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ tăng 19%. Nguyên nhân tăng tài sản chủ yếu là các khoản phải thu dài hạn tăng 1.004 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 404% so với năm 2016, và đặc biệt là khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng 276,9 tỷ đồng (trong đó, tiền gửi Ngân hàng đến ngày 31/12/2017: 351,2 tỷ đồng), tương đương tốc độ tăng trưởng 286% so với năm

2016. Đây cũng là nguồn tài chính của Doanh nghiệp để dự phòng giảm tối đa trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính.

Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng 2017/2016	Tỷ lệ
Nợ phải trả	4.352.355	4.960.731	608.376	14%
Nợ ngắn hạn	1.469.761	1.759.611	289.850	20%
Nợ dài hạn	2.882.594	3.201.120	318.526	11%
Tổng nợ	4.352.355	4.960.731	608.376	14%
Vốn chủ sở hữu	2.653.293	3.351.760	698.467	26%
Vốn chủ sở hữu	2.653.293	3.351.760	698.467	26%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.301.443	2.850.578	549.135	24%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	126.086	180.792	54.706	43%
Tổng nguồn vốn	7.005.648	8.312.491	1.306.843	19%

Tổng nguồn vốn năm 2017 tăng cao so với năm 2016 với giá trị: 1.306 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ tăng 19%. Nguyên nhân tăng nguồn vốn chủ yếu là trong năm 2017 Doanh nghiệp đã phát hành thành công 54.913.458 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ công ty từ 2.301 tỷ đồng đến 2.850 tỷ đồng, đồng thời các khoản phải trả ngắn hạn năm 2017 tăng 289,8 tỷ đồng so với năm 2016, các khoản phải trả dài hạn năm 2017 tăng 318,5 tỷ đồng so với năm 2016, tương đương tỷ lệ 11% so với năm 2016, và đặc biệt là khoản lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 tích lũy 180,8 tỷ đồng.

- **Một số yếu tố khác:**

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- **Công tác quản trị:**

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

+ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

+ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động.

+ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mượn, chuyên nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- **Công tác nhân sự - lao động:**

+ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGD, KTT, các Cty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

+ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp

xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

+ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên DLG đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

+ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: 08/3, 30/4, 1/5, 27/7, 2/9, 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp 1/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ trên toàn hệ thống...

- Thi đua khen thưởng:

+ Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, năm qua Tập đoàn đã được UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc Khối Doanh nghiệp; tập thể Tập đoàn và cá nhân Chủ tịch HĐQT được tặng nhiều bằng khen của các bộ, ngành TW.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2018, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro; xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với chúng ta. Ở trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém. Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực trọng yếu đòi hỏi nguồn lực và thời gian thực hiện. Nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia và ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn hẹp.

Trên cơ sở đánh giá tình hình SXKD năm 2017, theo dõi dự báo và nhận định tình hình nền kinh tế trong nước và thế giới, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo, thông qua Đại hội cổ đông kỳ này, như sau:

Mục tiêu, định hướng

Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của Đức Long Gia Lai trong năm 2018 và các năm tiếp theo, là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Bất động sản; Năng lượng; Sản xuất linh kiện điện tử và Nông nghiệp. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.

Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2019	2020
- Doanh thu	tỷ đồng	3.200	4.700	5.600
- Lợi nhuận	tỷ đồng	140	255	290

Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018:

+Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án: Dự án thủy điện Tân Thượng, các dự án thủy điện khác trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; các Dự án Bất động sản tại: Quận 2, Quận 4, Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân TP.HCM; Dự án khách sạn Đức Long Mỹ Khê,...để góp phần tăng doanh thu của DLG trong năm 2018 và những năm tiếp theo;

+Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Dự án đường Tam Tân và Nút xoay An Hạ thành phố Hồ Chí Minh, Dự án đường cao tốc Bắc – Nam, các Dự án Bất động sản ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, các dự án điện mặt trời tại Đắk Lắk, Bình Thuận, Ninh Thuận... Ngoài ra, DLG sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra;

+Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc quản lý chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;

+Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ song song với công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/ dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh DLG ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại. Làm tốt công tác công bố thông tin đúng quy định hiện hành;

+Chủ động cân đối nguồn vốn hiện có của đơn vị thông qua việc tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu hiệu quả, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh.

+Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, các định chế tài chính và khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

+Trong công tác quản lý, điều hành: Bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên

trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.

+Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của DLG. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Về an sinh xã hội

Trong năm qua, DLG đã đóng góp tích cực vào công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao của tỉnh nhà. Tham gia là nhà tài trợ chính cho các chương trình nghệ thuật, văn hóa phục vụ cộng đồng của tỉnh nhà; thăm và tặng 200 phần quà cho người nghèo, nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai; Với những đóng góp trong công tác thiện nguyện thời gian qua, Tập đoàn Đức Long Gia Lai vinh dự được Hội chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai trao tặng Bằng khen “Tâm lòng vàng nhân đạo”.

Về công tác bảo vệ môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên DLG đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

+ DLG đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của DLG đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. DLG luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

+ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2017, nền kinh tế của đất nước có nhiều khởi sắc. Trong số 13 chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội giao có 8 chỉ tiêu đạt và 5 chỉ tiêu vượt mục tiêu kế hoạch. Đáng chú ý nhất là mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017 là 6,7%, đạt mục tiêu đề ra. Đây là một cố gắng lớn của Chính phủ và các cấp, các ngành trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giảm dần dựa vào khai thác tài nguyên và chuyển hướng sang lấy công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ làm nòng cốt. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt kỷ lục 12,5 tỷ USD, tăng 13,4%. Thị trường chứng khoán vượt 800 điểm, cao nhất kể từ năm 2008 (ngày 20/10/2017 đạt 826,84 điểm); mức vốn hóa đạt trên 93% GDP; đưa thị trường chứng khoán phát sinh vào hoạt động. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước cả năm khoảng 33,4% GDP, tăng 12,6%.

Tuy nhiên, cơ hội luôn đi song hành với thử thách, cả nước vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức (theo đánh giá của Chính phủ), đó là: Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, năng suất lao động chưa cao; một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng thấp; tình hình sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ chế chính sách còn bất cập; nhiều doanh nghiệp mới được thành lập nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực rườm rà, phức tạp,...

Trong bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

Chủ trương đúng đắn đó đã được thể hiện qua những kết quả mà Đức Long Gia Lai đã phấn đấu đạt được trong năm 2017, như sau:

Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh:

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty đã được triển khai thông suốt, đem lại hiệu quả khá tốt, tập trung vào các lĩnh vực: Lĩnh vực điện tử, xây dựng dân dụng, chế biến gỗ, đá, bất động sản, kinh doanh thương mại - dịch vụ... Hàng hóa, sản phẩm của Đức Long Gia Lai luôn được đánh giá cao về mẫu mã, chất lượng, giá cả hợp lý.

Kết thúc năm tài chính 2017, doanh thu thực hiện được 2.913,8 tỷ đồng, đạt 104,1% kế hoạch, tăng 17% so với năm trước; lợi nhuận trước thuế 85,7 tỷ đồng, tăng 3,8% so với năm trước. Mặc dù kết quả lợi nhuận chưa đáp ứng được chỉ tiêu kế hoạch

đã được Đại hội cổ đông năm 2017 đề ra, nhưng tốc độ tăng trưởng được đánh giá là khá cao, phần nào thỏa mãn và đảm bảo được quyền lợi của cổ đông.

Công tác đầu tư:

Năm 2017, đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng đối với Đức Long Gia Lai, đó là:

- Đức Long Gia Lai đã tham dự Hội nghị xúc tiến đầu tư Tây Nguyên và Hội nghị xúc tiến đầu tư các tỉnh: Đắk Nông, Bình Thuận. Qua đó, Đức Long Gia Lai đã ký kết với tỉnh Bình Thuận thỏa thuận nguyên tắc đầu tư 03 dự án năng lượng tại Bình Thuận; Chủ tịch HĐQT đã phát biểu tại Hội nghị xúc tiến đầu tư các tỉnh Đắk Nông, đề xuất cơ chế tạo điều kiện thông thoáng để phát triển các dự án lớn, mang lại hiệu quả cao tại các tỉnh Tây Nguyên;

- Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Đã động thổ xây dựng Thủy điện Tân Thượng (Lâm Đồng) vào tháng 01 năm 2017; Thủy điện Đăk Pô Cô chính thức phát điện tổ máy số 1, hòa lưới điện quốc gia từ cuối năm 2017. Dự án Tân Thượng đang khẩn trương đẩy nhanh thi công, dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác vào cuối năm 2018. Đức Long Gia Lai đã được UBND các tỉnh đồng ý cho lập dự án đầu tư và đề xuất bổ sung quy hoạch các dự án điện năng lượng mặt trời Thuận Nam Đức Long tại Ninh Thuận, Dự án điện năng lượng mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận; các dự án thủy điện trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ...;

- Về lĩnh vực đầu tư khách sạn - nghỉ dưỡng: Hàng loạt các khách sạn, khu nghỉ dưỡng được khởi động quyết liệt: Đã cơ bản hoàn thành thi công và chuẩn bị đưa vào khai thác Khách sạn 05 sao Đức Long Mỹ Khê (Đà Nẵng); khởi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; Đức Long Gia Lai đã mua và được giao quyền điều hành Dự án Khu biệt thự và khách sạn thuộc Khu Du lịch Phúc hợp Bãi Trường tại Phú Quốc, hiện đang hoàn thiện thiết kế để thi công, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường du lịch nghỉ dưỡng đầy tiềm năng này. Đức Long Gia Lai đã được các tỉnh, thành phố đồng ý cho nghiên cứu, lập dự án đầu tư nhiều dự án, như: Dự án Khách sạn và khu nghỉ dưỡng tại Phú Yên, Dự án khu phức hợp khách sạn - dịch vụ Đức Long Nha Trang; Dự án khách sạn Đức Long Quy Nhơn, Dự án khách sạn 05 sao tại Lâm Đồng, Dự án khách sạn - dịch vụ 04 sao tại Đắk Nông...;

- Đức Long Gia Lai đã hoàn chỉnh việc đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại và nhân lực, đủ điều kiện đưa vào hoạt động Nhà máy điện tử DLG - QSIC tại Khu Công nghệ cao quận 9, Tp.HCM;

- Lập thủ tục phát triển đầu tư nhiều dự án bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài các dự án đã và đang triển khai, như: Dự án Golden Land - Quận 7, Dự án New Land - Quận 8, Dự án Western Park - Quận Bình Tân; Đức Long Gia Lai đã khởi động các dự án Gò Ô Môi, Dự án Nguyễn Thị Thập - Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh,...;

- Với sự tích cực đề xuất của Đức Long Gia Lai, Bến xe phía Nam Đà Nẵng đã từng bước được tháo gỡ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, phân luồng tuyến và tiền sử dụng đất, hứa hẹn sẽ đem lại hiệu quả cho hoạt động của Bến xe các năm đến;

Về việc phát hành trái phiếu:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, Đức Long Gia Lai có phương án phát hành 500 trái phiếu doanh nghiệp, 500 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, tương đương với 500 tỷ đồng nhằm phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư. Kết quả, Công ty đã phát hành riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi, với mệnh giá: 1 tỷ đồng/1 Trái phiếu với kỳ hạn dự kiến là 5 năm, tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 134 tỷ đồng. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được sử dụng để thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Đức Long Gia Lai.

Về công tác đối ngoại:

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao trong cả nước với số tiền tham gia hơn 10 tỷ đồng. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Công ty quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên luôn được bảo quản, trông và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 bầu ra gồm 05 thành viên, gồm các Ông: Bùi Pháp, Nguyễn Đình Trạc, Phạm Anh Hùng, Nguyễn Trung Kiên và Đoàn Nguyên Tiêu. Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra các quyết định cụ thể nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ông Bùi Pháp đã được các thành viên HĐQT tín nhiệm bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. HĐQT đã ban hành 20 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch; được Chương trình khảo sát công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 công nhận là đơn vị Đạt chuẩn công bố thông tin.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên không nhận thù lao. Riêng có 01 thành viên HĐQT độc lập được nhận thù lao theo thỏa thuận và phù hợp với Nghị quyết đại hội.

Thông qua Đại hội kỳ này, HĐQT dự kiến thông qua Đại hội miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bổ nhiệm mới 03 thành viên HĐQT để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới.

Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện việc thay đổi mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết công việc. Về công tác tổ chức, Từ tháng 4/2018, Đức Long Gia Lai đã bổ nhiệm mới ông Nguyễn Trung Kiên làm Tổng Giám đốc thay thế cho ông Phạm Anh Hùng, bổ nhiệm ông Trần Cao Châu làm kế toán trưởng thay cho bà Vũ Thị Hải, đồng thời bổ nhiệm bà Vũ Thị Hải làm Phó Tổng Giám đốc tài chính. Việc thay đổi các nhân sự mới trên đây không nằm ngoài mục đích tăng cường các nhân sự có chất lượng cao vào bộ máy quản trị điều hành nhằm đổi mới quản lý,

thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược phát triển ngày càng mạnh mẽ và đi vào chiều sâu đã được các kỳ Đại hội cổ đông của Đức Long Gia Lai đề ra.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc trước và sau khi được củng cố đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường và chỉ đạo một cách sát sao, quyết liệt Ban Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Đức Long Gia Lai trung thành với chiến lược tái cấu trúc các ngành nghề đã được đề ra tại các kỳ đại hội trước đây, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: **“Đổi mới - Phát triển - Chia sẻ - Đoàn kết - Tôn chỉ pháp luật”**; với mục tiêu: **“Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế”**.

- Định hướng của Đức Long Gia Lai trong thời gian đến sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT và PPP; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời); Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử; đồng thời sẽ đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống hiện đang đem lại hiệu quả.

Định hướng phát triển các ngành nghề như sau:

- **Về cơ sở hạ tầng:** Trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được các cơ quan chức năng phê duyệt, Đức Long Gia Lai sẽ triển khai đầu tư các dự án có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP), gồm: Hợp đồng BT, đối đất lấy hạ tầng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư gần 8.000 tỷ đồng, đối ứng 600 ha đất; Hợp đồng BOT Dự án đường cao tốc Bắc - Nam với vốn đầu tư khoảng 20.000 tỷ đồng. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục đầu tư về hạ tầng các dự án giao thông đường bộ, sân bay, cảng biển... trong cả nước bằng các hình thức BOT và BT;



- **Về bất động sản:** Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư mạnh vào bất động sản đa sản phẩm, tập trung tại Tp. Hồ Chí Minh. Ngoài 03 dự án đã khởi công và bán hàng với 4.500 căn hộ, tổng mức đầu tư 7.000 tỷ đồng, sẽ hoàn thành, bàn giao nhà vào năm 2021 - 2022; Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện thủ tục 02 Dự án khác để khởi công và bán hàng trong năm 2019. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đang tiếp tục tham gia dự thầu Dự án cơ sở hạ tầng theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng, sẽ sở hữu diện tích khoảng 600 ha tại Quận 1, Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức và các huyện Nhà Bè, Củ Chi. Với diện tích này, Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư vào các phân khúc: Căn hộ, văn phòng, nhà thu nhập thấp, trung tâm thương mại và khu đô thị, mang thương hiệu sản phẩm bất động sản chất lượng cao Đức Long Gia Lai trong 5 - 10 năm tới;

Về bất động sản nghỉ dưỡng, nắm bắt chủ trương khuyến khích đầu tư vào kinh tế biển theo Nghị quyết của Chính phủ, Đức Long Gia Lai sẽ tập trung đầu tư vào các dự án khách sạn và khu du lịch nghỉ dưỡng ở ven biển thuộc các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Phú Quốc... trong vòng 05 năm tới;



- **Về năng lượng:** Việc bảo đảm năng lượng quốc gia, nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới là hết sức cấp thiết. Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Năm bắt cơ hội, Đức Long Gia Lai đang tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Ngoài 04 dự án thủy điện đã và đang đầu tư, Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện thủ tục đề đầu tư 03 Dự án thủy điện tiếp theo trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Tổng công suất các Nhà máy thủy điện tại Tây Nguyên dự kiến gần 250 KW. Hưởng ứng cơ chế khuyến khích phát triển các dự án mặt trời tại Việt Nam theo Quyết định số 11/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đức Long Gia Lai đã đề xuất và được các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận chấp thuận cho nghiên cứu, bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án năng lượng mặt trời. Dự kiến Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư vào lĩnh vực năng lượng mặt trời với tổng công suất khoảng 1.000 MW trong vòng 5 - 10 năm tới;



- **Đối với ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử:** Đức Long Gia Lai tập trung đầu tư chuyên sâu sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại các Nhà máy Ansen tại thành phố Đông Quán, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, Nhà máy DLG - HANBIT tại Seoul, Hàn Quốc và Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao tại Quận 9 thành phố HCM. Mở rộng đầu tư Nhà máy điện tử tại thành phố Đà Nẵng. Tái cấu trúc nhân sự và tài chính, đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, tổ chức liên doanh liên kết, mở rộng thị trường để sản xuất sản phẩm tiêu thụ tại các thị trường: Mỹ, Hàn Quốc, Nhật bản và Châu Âu nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận;



- Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống (Chế biến sản phẩm đồ gỗ, Bến xe bãi đỗ, Dịch vụ vệ sỹ và yếu nhân, Khai thác và chế biến khoáng sản...): Đầu tư chuyên sâu, đổi mới trang thiết bị và nhân lực để đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, giữ được thị trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận ổn định;



Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2017 - 2019:

Nền kinh tế Việt Nam sẽ bước sang năm 2018 với nhiều yếu tố thuận lợi. Dự báo khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2018 sẽ tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Ở trong nước, yếu tố thuận lợi cơ bản là kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh. Đặc biệt, việc triển khai Nghị quyết Hội nghị TW5 về đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế... được kỳ vọng sẽ tạo cú hích mới cho kinh tế tư nhân phát triển. Cùng với đó là niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng phát triển của Việt Nam tiếp tục được củng cố, nhất là sau Hội nghị cao cấp APEC.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư của Đức Long Gia Lai năm 2017, dự báo tình hình kinh tế trong nước thời gian đến, HĐQT Đức Long Gia Lai đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2018 - 2020, như sau (ĐVT: tỷ đồng):

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020
- Doanh thu	3.200	4.700	5.600
- Lợi nhuận	140	255	290

Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động nâng cao năng lực điều hành, có kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả đồng vốn.

- Chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Thực hiện việc tinh giản và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV của Đức Long Gia Lai. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBCNV đã nhiều năm kinh nghiệm, gắn bó với Đức Long Gia Lai, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài.

- Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao phó.

Với thương hiệu, năng lực tài chính và kinh nghiệm quản trị điều hành, cùng nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được triển khai là nhân tố hết sức thuận lợi cho Đức Long Gia Lai thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình. Đức Long Gia Lai bước vào năm mới 2018 với thông điệp hành động **“CHỦ TRƯỞNG LÀ MỘT, QUYẾT TÂM LÀ MUỖI, HÀNH ĐỘNG LÀ MỘT TRĂM, NIỀM TIN LÀ MỘT NGHÌN”**, giữ vững phương châm xuyên suốt: **“ĐỨC LONG - ĐI LÀ ĐẾN”**, kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2018 - 2022, liên tục tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.



Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	53.168.118	18,65%	- Chủ tịch HĐQT tại 10 công ty khác. - Ủy viên HĐQT tại 2 công ty khác.
Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên HĐQT	944.022	0,33%	- Chủ tịch HĐQT tại 2 công ty khác. - Phó CT HĐQT tại 1 công ty khác. - Ủy viên HĐQT tại 2 công ty khác.
Phạm Anh Hùng	Ủy viên HĐQT	0	0	- Ủy viên HĐQT tại 2 công ty khác
Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	10.532	0,0037%	- Ủy viên HĐQT tại 2 công ty khác.
Đoàn Nguyên Tiêu	Ủy viên HĐQT	0	0	Ủy viên HĐQT tại 1 công ty khác.

Ông Bùi Pháp

- + Năm sinh: 1962
- + Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
 - ✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Phạm Anh Hùng

- + Năm sinh: 1972
- + Trình độ: Cử nhân luật
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 2000 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
 - ✓ 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 01/01/2014 đến 3/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Nguyễn Đình Trạc

- + Năm sinh: 1957
- + Trình độ: Cử nhân kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
 - ✓ 1989 – 2007: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
 - ✓ 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 1/1/2014 đến nay : Ủy viên HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



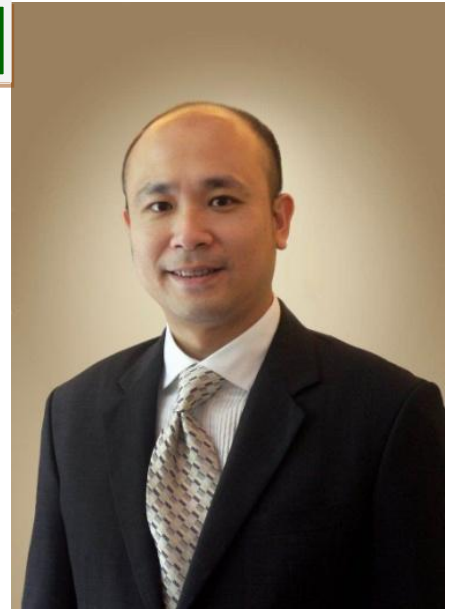
Ông Nguyễn Trung Kiên

- + Năm sinh: 1974
- + Trình độ: Kỹ sư xây dựng
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.
 - ✓ 03/2003 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 10/2010 - nay: Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông.



Ông Đoàn Nguyên Tiêu

- + Năm sinh: 1976
- + Trình độ: Tiến sỹ kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York
 - ✓ Từ 06/2006-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.
 - ✓ Từ 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp
 - ✓ Từ 08/2009 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc.
 - ✓ Từ tháng 11/2014 - nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT cụ thể:

- + Chánh văn phòng kiêm nhiệm Thư ký Tập đoàn.
- + Ban Nội chính kiêm nhiệm công tác tổ chức thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- + Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát nghiệp vụ.
- + Các trợ lý Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ Trợ lý, tham mưu về chiến lược phát triển, kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2017

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	29/04/2017	-	20/20	100%	
2	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	14/04/2012	29/04/2017	-	20/20	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	25/05/2013	29/04/2017	-	20/20	100%	
4	Ông Phạm Anh Hùng	Ủy viên	25/05/2013	29/04/2017	-	20/20	100%	
5	Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Ủy viên	27/11/2014	29/04/2017	-	20/20	100%	

Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-ĐLGL	24/01/17	Về việc thông qua các chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tập Đoàn với các doanh nghiệp và người có liên quan
2	05/NQ-HĐQT-ĐLGL	13/02/17	Về việc thông qua kết quả phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	06/QĐ-HĐQT	28/02/17	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
4	07/QĐ-HĐQT-ĐLGL	14/03/17	Về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty CP dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai.
5	02/NQ-HĐQT-ĐLGL	14/03/17	Về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
6	7A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	14/03/17	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Quý I/2017 và triển khai kế hoạch Quý II/2017
7	04/NQ-HĐQT-ĐLGL	02/05/17	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022
8	03/QĐ-HĐQT	11/05/17	Về việc thành lập chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai.
9	15/QĐ-HĐQT	17/06/17	Về việc góp vốn vào công ty CP Đầu Tư và Kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai
10	05/NQ-HĐQT-ĐLGL	19/06/17	Về việc thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần DLG CY Việt Nam
11	06/NQ-HĐQT-ĐLGL	23/06/17	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
12	10/QĐ-HĐQT	24/06/17	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty
13	16A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	30/06/17	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Quý II/2017 và triển khai kế hoạch Quý III/2017
14	16B/QĐ-HĐQT-ĐLGL	30/09/17	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Quý III/2017 và triển khai kế hoạch Quý IV/2017
15	17A/QĐ/HĐQT-ĐLGL	09/10/17	Về việc thực hiện các điều kiện trước khi được cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Gia Lai

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	17/QĐ/HĐQT	05/12/17	Về việc tham gia vốn góp và ủy quyền người quản lý vốn góp tại CTCP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận
17	18/QĐ/HĐQT	05/12/17	Về việc thành lập Ban chuyên trách thực hiện kế hoạch hoàn thiện hồ sơ phát hành trái phiếu DLG năm 2017
18	19/NQ-HĐQT-ĐLGL	08/12/17	Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2017
19	20/QĐ-HĐQT-ĐLGL	08/12/17	Về việc thế chấp Quyền sử dụng đất thuê và Công trình xây dựng trên đất tại số 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai để đảm bảo cho nghĩa vụ nợ vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Trung tâm và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai
20	21/QĐ-HĐQT	19/12/17	Về việc ban hành quy trình tuyển dụng nhân sự

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty chưa đáp ứng được tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập, theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Công ty cam kết trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 sẽ thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập để đáp ứng đúng theo quy định của pháp luật.



Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/04/2015	29/04/2017	4/4	0	0	
2.	Trần Cao Châu	Thành viên BKS	16/04/2016	29/04/2017	4/4	0	0	
3.	Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên BKS	25/05/2013	-	0/4	0	0	Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát từ ngày 29/04/2017
4.	Võ Sỹ Việt	Thành viên BKS	29/04/2017	-	4/4	0	0	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Stt	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp quý 4 và tổng kết năm 2016.	04/01/2017	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 4, tổng kết năm 2016 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2017.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%.
2	Bầu trưởng BKS và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban	3/5/2017	- Bầu chức danh Trưởng ban - Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2017. - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng đầu	30/6/2017	Đánh giá kết quả thực hiện	Cuộc họp đã nhất

	năm 2017		kiểm soát 6 tháng đầu năm, Xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2016	trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
4	Họp 6 tháng cuối năm 2017	30/12/2017	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2017 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2018.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao được tốt hơn.

- + Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2017 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Tập đoàn.
- + Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- + Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- + Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- + Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- + Hoạt động của HĐQT trong năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- + HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- + HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2017, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.
- + Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện

dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

+ Tính đến thời điểm 31/12/2017, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2017, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

+ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch thực hiện năm 2018; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên năm 2017 theo đúng quy định.

+ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, đáp ứng được quy mô phát triển ngày càng cao trong hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tập đoàn. Tạo tiền đề tích cực không chỉ phần đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017, mà còn là cơ sở cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong các năm tiếp theo. BKS kiến nghị HĐQT và Ban TGD như sau:

+ Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có.

+ Tiếp tục hoạch định và phát triển các nhóm ngành nghề truyền thống, tập trung phát triển trong nước các dự án có tính chiến lược, có quy mô lớn và dài hạn. Về đầu tư ra nước ngoài, ngoài việc tăng cường kiểm soát hiệu quả kinh doanh tại các nước đã đầu tư, Tập đoàn cần phải mở rộng công tác khảo sát và đầu tư hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác.

+ Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới.

+ Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong việc tổ chức thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Tập đoàn.

+ Hoạch định đầu tư phát triển, có chính sách phù hợp để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- + Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, định mức có tính khoa học để phản ánh đầy đủ các mặt sản xuất kinh doanh, nhằm đo lường đánh giá chuẩn xác quá trình điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của từng cấp quản lý.
- + Tăng cường công tác dự báo, đề ra các giải pháp khắc phục phù hợp để kiểm soát và hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Do kết quả kinh doanh trong năm không đạt như kỳ vọng nên các thành viên HĐQT, BKS tự nguyện không nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Đức Long Gia Lai đã xây dựng quy chế quản trị Tập đoàn từ năm 2010, hiện đang được điều chỉnh để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, HĐQT sẽ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 29 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/05/2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2.850.578.150.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017: 2.850.578.150.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0269.3748367
- Fax: (84) 0269.3747366
- Email: duclong@duclonggroup.com
- Website: www.duclonggroup.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cải tạo đàng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốp; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phù công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 73 người. Trong đó cán bộ quản lý 13 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Pháp | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2017 |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017 |
| • Ông Phạm Anh Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017 |
| • Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017 |
| • Ông Đoàn Nguyên Tiêu | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|----------------------------|
| • Bà Phan Thị Ngọc Anh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03/05/2017 |
| • Ông Trần Cao Châu | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/04/2016 |
| | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 29/04/2017 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2017 |
| • Ông Võ Sỹ Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2017 |
| • Ông Nguyễn Văn Nguyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/05/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 29/04/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|----------------------------|
| • Ông Phạm Anh Hùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2014 |
| • Ông Phạm Minh Việt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Ông Trần Văn Phương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24/06/2017 |
| • Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/02/2018 |
| • Ông Phan Xuân Viên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007 |
| | | Miễn nhiệm ngày 31/01/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|-------------------|--|
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/03/2009
Miễn nhiệm ngày 28/02/2017 |
| • Bà Vũ Thị Hải | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 09/07/2013 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Phạm Anh Hùng
Gia Lai, ngày 31 tháng 03 năm 2018

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 637/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 30/03/2018, từ trang 6 đến trang 67, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2018**Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2014-010-1■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349■ Chi nhánh tại Hà Nội: Trang 5
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.297.982.197.168	3.084.461.835.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	373.765.558.712	96.808.960.822
1. Tiền	111		362.212.184.207	55.799.705.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.553.374.505	41.009.255.206
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		297.462.372.053	580.094.590.556
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	282.423.265.980	264.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8.a	15.039.106.073	316.094.590.556
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.056.915.341.316	1.990.008.870.087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	702.722.858.712	601.506.674.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	253.598.813.404	249.464.982.797
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.a	989.399.424.338	900.157.764.619
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	12.a	133.299.064.653	253.259.588.778
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(22.104.819.791)	(14.380.140.919)
IV. Hàng tồn kho	140	14	541.211.555.289	413.496.716.240
1. Hàng tồn kho	141		561.279.373.724	430.989.454.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.067.818.435)	(17.492.737.912)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.627.369.798	4.052.697.655
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	66.918.097	374.285.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.196.516.906	3.677.359.715
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	363.934.795	1.052.434
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.014.509.234.882	3.921.186.265.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.252.611.212.942	248.386.304.573
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	11.b	752.538.483.608	225.647.099.300
2. Phải thu dài hạn khác	216	12.b	500.072.729.334	22.739.205.273
II. Tài sản cố định	220		2.664.947.443.713	2.584.571.349.523
1. Tài sản cố định hữu hình	221	16	2.582.615.490.815	2.499.786.466.891
- Nguyên giá	222		3.486.817.112.645	2.947.624.020.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(904.201.621.830)	(447.837.553.433)
2. Tài sản cố định vô hình	227	17	82.331.952.898	84.784.882.632
- Nguyên giá	228		204.656.915.081	196.761.729.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(122.324.962.183)	(111.976.847.187)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	105.325.728.461	108.216.516.657
- Nguyên giá	231		122.870.111.864	124.210.456.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.544.383.403)	(15.993.939.494)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		660.713.035.677	603.458.413.186
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19	660.713.035.677	603.458.413.186
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.039.631.433	56.466.429.083
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	8.b	26.819.631.433	26.615.469.977
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.c	2.700.000.000	32.225.730.632
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8.c	(480.000.000)	(2.374.771.526)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		301.872.182.656	320.087.252.637
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	43.177.553.475	39.418.056.499
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	18.374.236.778	17.582.495.106
3. Lợi thế thương mại	269	21	240.320.392.403	263.086.701.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.312.491.432.050	7.005.648.101.019

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 67 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.960.731.768.102	4.352.355.040.662
I. Nợ ngắn hạn	310		1.759.611.933.187	1.469.761.413.094
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	495.283.480.952	411.726.186.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	88.275.687.487	87.537.482.335
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	104.802.680.195	71.432.694.256
4. Phải trả người lao động	314		37.975.832.415	26.744.859.163
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	156.947.658.897	67.566.339.431
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	122.727.273	585.354.550
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27.a	133.260.441.440	109.573.887.271
8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	28.a	743.495.289.336	695.132.641.618
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(551.864.808)	(538.031.808)
II. Nợ dài hạn	330		3.201.119.834.915	2.882.593.627.568
1. Phải trả dài hạn khác	337	27.b	4.000.000.000	7.746.335.250
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	28.b	3.181.786.535.905	2.867.395.107.764
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29	12.091.150.520	5.475.243.634
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	3.242.148.490	1.976.940.920
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.351.759.663.948	2.653.293.060.357
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.351.759.663.948	2.653.293.060.357
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	31	2.850.578.150.000	2.301.443.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.850.578.150.000	2.301.443.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	31	50.510.908.328	50.512.788.328
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	31	12.678.454.700	12.540.175.048
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	31	6.196.436.959	6.196.436.959
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	31	180.792.184.488	126.085.637.834
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		123.485.602.592	68.723.267.932
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		57.306.581.896	57.362.369.902
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	32	251.003.529.473	156.514.602.188
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		8.312.491.432.050	7.005.648.101.019



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	2.913.844.748.638	2.490.622.091.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	16.335.351.010	13.340.460.925
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.897.509.397.628	2.477.281.631.049
4. Giá vốn hàng bán	11	36	2.409.618.055.682	2.014.660.932.536
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		487.891.341.946	462.620.698.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	153.392.064.537	87.908.305.215
7. Chi phí tài chính	22	38	352.360.756.197	309.517.738.879
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		350.324.190.859	295.657.059.415
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty I.doanh, I.kết	24		204.161.456	164.488.199
9. Chi phí bán hàng	25	39.a	41.173.480.017	18.970.902.120
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.b	171.850.630.786	131.360.007.832
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.102.700.939	90.844.843.096
12. Thu nhập khác	31	40	21.643.901.670	2.916.680.824
13. Chi phí khác	32	41	8.994.165.515	8.236.708.535
14. Lợi nhuận khác	40		12.649.736.155	(5.320.027.711)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.752.437.094	85.524.815.385
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	23.586.932.274	25.877.098.103
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.803.631.236	4.242.300.353
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		59.361.873.584	55.405.416.929
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		57.306.581.896	52.673.583.537
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.055.291.688	2.731.833.392
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	43	206	238
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	43	206	238



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88.752.437.094	85.524.815.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16,17,18,21	156.743.198.011	147.345.987.258
- Các khoản dự phòng	03		10.171.827.182	(25.056.336.312)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39	1.381.231	(107.439.589)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	37,38,40,41	(169.168.008.280)	(72.920.139.016)
- Chi phí lãi vay	06	39	350.324.190.859	295.657.059.415
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		436.825.026.097	430.443.947.141
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(468.145.995.153)	(200.717.744.529)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(122.256.828.267)	99.091.546.660
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		133.750.824.572	12.861.824.883
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(305.438.726)	2.491.217.956
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		18.423.265.980	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	25,27,39	(326.594.392.528)	(306.640.649.710)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	24	(7.718.739.714)	(10.727.818.300)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.613.833.000)	(1.589.082.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(338.636.110.739)	25.213.242.101
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(278.324.959.343)	(534.568.184.108)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		27.701.082.727	5.655.125.450
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.583.244.499.147)	(1.475.339.387.918)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		1.329.813.994.337	1.412.975.787.760
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1.347.679.124	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		58.869.982.662	18.938.457.726
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,37	138.382.104.243	47.808.000.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(305.454.615.397)	(524.530.200.646)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		549.132.850.000	18.487.700.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.443.673.435.903	1.055.136.525.335
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.075.341.207.025)	(696.664.526.413)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	26, 30,d	-	(942.035.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		917.465.078.878	376.017.663.848
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		273.374.352.742	(123.299.294.697)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	96.808.960.822	220.107.949.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		3.582.245.148	306.396
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	373.765.558.712	96.808.960.822



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 29 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/05/2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn, ...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chè, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốp; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất sẫm, lốp cao su; lắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty và 9 Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn: Trong kỳ, Tập đoàn thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai ngày 14/03/2017 và tăng vốn góp đạt được quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai ngày 20/06/2017.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 9 công ty)

1. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- o Vốn điều lệ: 47.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,81%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,81%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 73A Nguyễn Trọng Tuyển, P. 15, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- o Vốn điều lệ: 3.400.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 48%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52%.
- o Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 14/03/2017.

3. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- o Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,6%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,6%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

4. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,49%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- o Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

6. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Mua bán cao su mù côm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.

- o Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,80%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

7. Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thương

- o Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đập đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
- o Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư.

8. Công ty TNHH Mass Noble Investments

- o Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- o Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- o Vốn điều lệ: 601.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 84,03%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 84,03%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các Công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gồm 5 công ty):

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 33,33%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,33%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2017 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

4. Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Vốn điều lệ: 2.280.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2017 chưa đi vào hoạt động.

5. Công ty CP Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2017 chưa đi vào hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là Công ty do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (1) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tập đoàn nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án BOT được thực hiện theo Công văn số 6092/BTC-TCDN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với tài sản cố định hình thành từ dự án BOT”. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 50
Máy móc, thiết bị	4 – 20
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7
Tài sản khác (Dự án BOT)	Theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	7
Chi phí triển khai	4
Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	17
Quan hệ khách hàng khế ước	10

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phân ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tồn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50

4.10 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.15 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.25 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ, ...: Áp dụng thuế suất 10%;
 - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20%.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:

- ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Virgin Islands thuộc Anh.
 - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
 - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
 - ✓ Đối với Công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Đến thời điểm hiện nay, Bộ Giao thông Vận tải, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai (Công ty con) đã thống nhất được các số liệu về tổng mức đầu tư, thời gian thu phí của Dự án BOT và ký kết Phụ lục Hợp đồng BOT số 01/PLHĐ.BOT-BGTVT về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 12699/HĐ.BOT-BGTVT ngày 25/11/2013. Ảnh hưởng của sự kiện này làm biến động chi phí khấu hao và lợi nhuận năm 2015, năm 2016 tại Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai. Theo đó, các số liệu trên BCTC hợp nhất của Tập đoàn cũng biến động tương ứng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2016	Số liệu tại ngày 31/12/2016 (Đã hồi tố)	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Tài sản cố định hữu hình	2.505.050.232.608	2.499.786.466.891	(5.263.765.717)	(1)
- Nguyên giá	2.947.624.020.324	2.947.624.020.324	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(442.573.787.716)	(447.837.553.433)	(5.263.765.717)	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.638.601.978	17.582.495.106	(56.106.872)	(1)
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	72.177.785.538	71.432.694.256	(745.091.282)	(1)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.660.288.530	5.475.243.634	814.955.104	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	130.005.849.689	126.085.637.834	(3.920.211.855)	(1)
- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	65.230.076.884	68.723.267.932	3.493.191.048	(1)
- LNST chưa phân phối kỳ này	64.775.772.805	57.362.369.902	(7.413.402.903)	(1)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	157.984.126.744	156.514.602.188	(1.469.524.556)	(1)
	Năm 2016	Năm 2016	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Báo cáo kết quả kinh doanh		(Đã hồi tố)		
Giá vốn hàng bán	2.004.465.067.580	2.014.660.932.536	10.195.864.956	(2)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.720.680.341	85.524.815.385	(10.195.864.956)	(2)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.390.691.416	25.877.098.103	(1.513.593.313)	(2)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.602.736.346	4.242.300.353	1.639.564.007	(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.727.252.579	55.405.416.929	(10.321.835.650)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	60.218.634.770	52.673.583.537	(7.545.051.233)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.508.617.809	2.731.833.392	(2.776.784.417)	(2)
	Năm 2016	Năm 2016	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		(Đã hồi tố)		
Lợi nhuận trước thuế	95.720.680.341	85.524.815.385	(10.195.864.956)	(2)
Khấu hao TSCD và BDSĐT	137.150.122.302	147.345.987.258	10.195.864.956	(2)

(1) Chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” giảm 5.263.765.717 đồng là do khấu hao dự án BOT tại Công ty con trong năm 2015, năm 2016 tăng 5.544.300.077 đồng và khấu hao trên hợp nhất giảm đi 280.534.360 đồng (do điều chỉnh lãi chưa thực hiện tương ứng với khấu hao trong kỳ). Theo đó, khoản mục “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” giảm 56.106.872 đồng. Ảnh hưởng của việc thay đổi chi phí khấu hao và lợi nhuận tại Công ty con dẫn đến các biến động sau khi hợp nhất số liệu:

- Chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước” giảm đi 745.091.282 đồng (Trong đó: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015 tăng là 768.502.031 đồng và năm 2016 giảm 1.513.593.313 đồng).
- Chỉ tiêu “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” tăng 814.955.104 đồng.
- Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm 3.920.211.855 đồng (Trong đó: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tăng 3.493.191.048 đồng, lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chưa phân phối kỳ này giảm 7.413.402.903 đồng) và chi tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” giảm 1.469.524.556 do ảnh hưởng của các nội dung trên.

- (2) Chi tiêu “Giá vốn hàng bán” và “Lợi nhuận kế toán trước thuế” cùng tăng, giảm một lượng là 10.195.864.956 đồng do khấu hao dự án BOT tại Công ty con tăng 10.476.399.316 đồng và khấu hao trên hợp nhất giảm đi 280.534.360 đồng (do điều chỉnh lãi chưa thực hiện tương ứng với khấu hao trong kỳ).

Chi tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” giảm 1.513.593.313 đồng do Công ty mẹ tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con làm giảm thu nhập chịu thuế tương ứng.

Chi tiêu “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” tăng 1.639.564.007 đồng do hoàn nhận dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khi hợp nhất Báo cáo tài chính (dự phòng đầu tư tài chính dài hạn mà Công ty mẹ phải trích thêm do Công ty con điều chỉnh tăng khấu hao dự án BOT) và do ảnh hưởng của việc điều chỉnh lãi chưa thực hiện tương ứng với khấu hao trong kỳ.

Ảnh hưởng các điều chỉnh trên làm Chi tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm 10.321.835.650 đồng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	22.567.353.751	19.013.580.060
Tiền gửi ngân hàng	339.644.830.456	36.786.125.556
Tiền gửi có kỳ hạn (không quá 3 tháng)	11.553.374.505	41.009.255.206
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	-	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Gia Lai (*)	11.553.374.505	11.009.255.206
Cộng	373.765.558.712	96.808.960.822

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai	282.423.265.980	-	264.000.000.000	-
Cộng	282.423.265.980	-	264.000.000.000	-

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 25/09/2015 về việc đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai thì mục đích mua cổ phần của Công ty này là để bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng). Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Cổ phiếu của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán. Theo đó, Tập đoàn không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; vì vậy, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)
8. Các khoản đầu tư tài chính
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	15.039.106.073	15.039.106.073	316.094.590.556	316.094.590.556
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai (*)	15.039.106.073	15.039.106.073	14.094.590.556	14.094.590.556
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	302.000.000.000	302.000.000.000
Cộng	15.039.106.073	15.039.106.073	316.094.590.556	316.094.590.556

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

Tại ngày 31/12/2017, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	31/12/2017		01/01/2017
			Số lượng cổ phần	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Cty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Đang hoạt động	20,0%	5.922	6.921.861.624	6.788.303.744
Cty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	Đang hoạt động	33,3%		19.897.769.809	19.827.166.233
Cộng				26.819.631.433	26.615.469.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	31/12/2017				01/01/2017		Giá trị hợp lý
	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	-	-	-	-	5.600.000.000	-	-
Công ty CP ĐT Xây dựng Nam Nguyên	-	-	-	-	968.000.000	(968.000.000)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển DVCT CC ĐLGL	-	-	-	-	8.200.000.000	-	22.502.760.800
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai (i)	9,68%	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và PT Điện năng Đức Long GI.	-	-	-	-	3.503.500.000	(399.648.516)	-
Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	7,20%	48.000	480.000.000	(480.000.000)	480.000.000	(480.000.000)	-
Công ty CP DT & KD Bất động sản DLGL	-	-	-	-	4.000.000.000	(527.123.010)	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ĐLGL (i)	1,02%	102.000	1.020.000.000	-	8.274.230.632	-	-
Cộng			2.700.000.000	(480.000.000)	32.225.730.632	(2.374.771.526)	22.502.760.800

(i) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai. Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Tại thời điểm 31/12/2017, Tập đoàn không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	106.022.939.647	68.337.488.136
Honeywell International - FCC US	33.043.468.640	9.744.789.520
Whirlpool Overseas Manufacturing, S.a.r.l	37.620.052.120	28.151.749.858
Lithonia Lighting, A Division	18.592.877.310	23.016.912.458
Tập đoàn XD&D, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong& Công ty TNHH DTPT MTV Lào	136.947.625.974	136.947.625.974
Azad International (HK) Ltd.	91.627.543.315	17.530.353.915
Caradon MK Electric Ltd (Sub CAA)	24.814.112.015	-
Công ty CP Dầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	21.419.007.652	32.692.007.652
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	37.192.135.000	-
Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú 1	23.827.100.000	-
Các đối tượng khác	171.615.997.039	285.085.747.299
Cộng	702.722.858.712	601.506.674.812

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Thuyết minh số 47.a	106.022.939.647	68.337.488.136
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	1.444.550.246	5.493.480.133
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Thuyết minh số 47.a	12.283.108.866	10.383.029.454
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	2.082.861.250	227.691.200
Cộng		121.833.460.009	84.441.688.923

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Công nghiệp Khai thác CB Đá Tây Nguyên	85.877.440.848	109.057.170.728
Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	75.100.000.000	75.100.000.000
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	16.060.834.200	-
Công ty TNHH Thiết bị Phát điện Chứng lực Hồng Nguyên Quảng Đông	17.021.488.000	-
Các đối tượng khác	59.539.050.356	65.307.812.069
Cộng	253.598.813.404	249.464.982.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Mỗi quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	6.673.272.381	7.432.390.621
Cộng		6.673.272.381	7.432.390.621

11. Phải thu về cho vay
a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Cho vay, cho mượn ngắn hạn	989.399.424.338	900.157.764.619
DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC (a)	7.972.371.581	7.972.371.581
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (b)	11.425.521.807	9.309.361.807
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên (c)	23.537.198.548	16.332.137.994
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (d)	329.186.785.439	-
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai (e)	1.350.000.000	-
Công ty CP CN Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên (f)	70.422.063.000	-
Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I (g)	20.794.780.000	8.637.280.000
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	15.421.047.577	-
Đỗ Thành Nhân (h)	39.500.000.000	20.000.000.000
Hà Thị Ngọc Trang (h)	1.210.000.000	9.900.000.000
Nguyễn Tuấn Vũ (h)	44.170.703.000	39.500.000.000
Trần Thị Như Hạnh (h)	54.303.333.000	3.742.233.000
Nguyễn Thị Anh Thư (h)	55.722.980.000	20.000.000.000
Hồ Thị Mỹ Trinh (h)	95.241.249.288	27.000.000.000
Nguyễn Văn Bằng (h)	14.000.000.000	-
Bùi Thị Sang (h)	11.700.000.000	-
Đào Anh Tuấn (h)	10.000.000.000	-
Nguyễn Bá Bắc (h)	12.500.000.000	-
Nguyễn Tân Tiến (h)	87.958.279.650	-
Nguyễn Phúc Lộc (h)	10.000.000.000	-
Nguyễn Thắng (h)	20.226.900.000	-
Dặng Công Bình (h)	31.050.000.000	15.000.000.000
Lê Thị Cẩm Dung (h)	14.855.000.000	-
Bùi Thị Bình (h)	3.500.000.000	-
Nguyễn Thị Hoa (h)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sài Gòn	-	312.295.127.000
Nguyễn Thanh Lâm	-	345.255.255.829
Công ty Liên doanh Mê Kông (i)	1.145.485.440	1.145.485.440
Các đối tượng khác (i)	205.726.008	64.068.511.968
Cộng	989.399.424.338	900.157.764.619

(a) Cho DNTN Du lịch Lữ hành và Đầu tư Xây dựng NHHTC vay theo Hợp đồng số 10/HĐCMT/2012 ngày 07/07/2012, thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền cho vay là 7.972.371.581 đồng, tính đến thời điểm hiện nay toàn bộ khoản nợ này đã đến và quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là hệ phụ hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- (b) Cho Công ty CP Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng cho mượn vốn số 01/MV/2016 ngày 01/01/2016, thời hạn cho vay 18 tháng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2017 với lãi suất 0,5%/năm, khoản nợ này đã đến hạn thanh toán.
- (c) Cho Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên vay theo Hợp đồng cho mượn vốn số 01B/2016/HĐVV ngày 08/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01B/PLHD ngày 05/06/2017, thời hạn cho mượn đến ngày 31/03/2018 với lãi suất 1,5%/năm và được điều chỉnh từ ngày 01/07/2017 là 6%/năm.
- (d) Cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 07/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 21/03/2017, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm.
- (e) Cho Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 08/2017/HĐVV-ĐLGI ngày 07/04/2017, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm.
- (f) Cho Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 08/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 05/07/2017, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm.
- (g) Cho Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I vay theo Hợp đồng số 02/HĐ-HTV ngày 31/12/2017, hạn mức cho vay là 25.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 6%/năm.
- (h) Cho các cá nhân vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng), lãi suất cho vay từ 6% - 9,5%/năm.
- (i) Cho các Công ty mượn tiền không tính lãi theo Thông báo số 22b/TB-TGDĐ ngày 20/01/2015. Thời gian cho mượn tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng).

Tất cả các hợp đồng vay mượn trên đều không có tài sản đảm bảo, thế chấp.

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Cho vay dài hạn	752.538.483.608	225.647.099.300
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (k)	324.062.525.000	65.441.054.300
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (l)	18.200.000.000	19.250.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (m)	14.838.973.573	-
Nguyễn Tân Tiến (n)	44.666.045.000	140.956.045.000
Nguyễn Thanh Tâm (o)	279.600.630.000	-
Phan Thị Diệu Linh (p)	19.000.000.000	-
Nguyễn Thị Như Lữ (q)	10.000.000.000	-
Nguyễn Tấn Đạt (s)	26.788.934.735	-
Hồ Thị Mỹ Trinh (t)	9.696.375.300	-
Các đối tượng khác (x)	5.685.000.000	-
Cộng	752.538.483.608	225.647.099.300

- (k) Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng số 06/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 14/02/2017, thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2018 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV-CTTR ngày 17/01/2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 02/10/2013. Hạn mức cho vay là 149.175.000.000 đồng. Thời hạn cho vay đến 30/12/2020, lãi suất cho vay tính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng Sacombank Thành phố Hồ Chí Minh tại từng thời điểm. Nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2018 là 4.171.054.300 đồng.
- (l) Cho Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Dức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01/VV/2016 ngày 20/09/2016, thời hạn cho vay từ ngày 20/09/2016 đến ngày 20/09/2026 với lãi suất 10,2%/năm. Số tiền cho vay là 20.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2018 là 1.800.000.000 đồng.
- (m) Cho Công ty Cổ phần Dầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng vay mượn tiền số 09/HĐV/BDS/2017 ngày 01/09/2017, lãi suất cho vay là 5%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng tính theo từng lần vay.
- (n) Cho ông Nguyễn Tân Tiến vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2016/HĐVV-ĐLGL ngày 05/04/2016, thời hạn cho vay là 18 tháng từ ngày 05/04/2016 đến ngày 05/10/2017 với lãi suất 9,5%/năm. Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PL.HD ngày 10/10/2016 gia hạn thời gian trả nợ bắt đầu từ 31/01/2018 đến ngày 31/12/2019, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2018 là 0 đồng.
- (o) Cho ông Nguyễn Thanh Tâm vay theo Hợp đồng vay vốn số 03A/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 02/02/2017, thời hạn cho vay là 20 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức cho vay là 313.000.000.000 đồng. Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PL.HD ngày 25/12/2017 gia hạn thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 30/09/2018 đến ngày 30/09/2019, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2018 là 0 đồng.
- (p) Cho bà Phan Thị Diệu Linh mượn tiền theo các Hợp đồng vay mượn tiền số 06/BDS-LINH ngày 27/6/2017 và phụ lục số 03/HĐV/BDS/2017 ngày 01/07/2017, Hợp đồng vay số 01/HĐV/BDS/2017 ngày 01/09/2017 với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho mượn tiền là 36 tháng tính theo từng lần mượn.
- (q) Cho bà Nguyễn Thị Như Lữ mượn tiền theo các Hợp đồng vay mượn tiền số 01/BDS - LUY ngày 12/01/2017 và Hợp đồng số 06/HĐV/BDS/2017 ngày 01/09/2017 với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 5%/năm. Thời hạn cho mượn tiền là 36 tháng tính theo từng lần mượn.
- (s) Cho ông Nguyễn Tấn Đạt mượn tiền theo Hợp đồng vay mượn tiền số 08/HĐV/BDS/2017 ngày 01/12/2017 với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho mượn tiền là 36 tháng tính theo từng lần mượn.
- (t) Cho bà Hồ Thị Mỹ Trinh mượn tiền theo các Hợp đồng vay mượn tiền số 01/BDS TRINH ngày 15/01/2017 và phụ lục số 02/HĐV/BDS/2017 ngày 01/7/2017, Hợp đồng vay số 03/HĐV/BDS/2017 ngày 01/09/2017 với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay 8%/năm. Thời hạn cho mượn tiền là 36 tháng tính theo từng lần mượn.
- (x) Cho cá nhân vay tiền với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 5%/năm. Thời hạn cho vay tiền là 36 tháng tính theo từng lần vay.

Tất cả các hợp đồng vay mượn đều không có tài sản đảm bảo, thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là hệ phụ hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	329.186.785.439	-
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Thuyết minh số 47.a	-	143.832.900
Cộng		329.186.785.439	143.832.900

12. Phải thu khác
a. Ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	795.522.881	-	10.858.231.638	-
Phải thu về lãi cho vay	88.422.013.461	(974.653.388)	90.418.275.327	(974.653.388)
- Nguyễn Thanh Tâm	12.114.573.480	-	-	-
- DNTN DL Lữ hành & DT Xây dựng NHHTC	974.653.388	(974.653.388)	974.653.388	(974.653.388)
- Công ty CP Chế biến Gỗ DLGL	2.189.358.756	-	-	-
- Nguyễn Tôn Tiến	16.522.740.586	-	8.871.577.178	-
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	40.679.403.809	-	12.845.635.237	-
- Các đối tượng khác	15.941.283.442	-	67.726.409.524	-
Tạm ứng	12.255.408.564	(67.479.236)	19.617.726.429	(67.479.236)
Ký cược, ký quỹ	19.483.812.050	-	5.935.663.536	-
Phải thu BHXH, BHYT	34.765.500	-	39.735.779	-
Phải thu khác	12.307.542.197	(1.962.145.407)	126.389.956.069	(1.557.012.357)
Cộng	133.299.064.653	(3.004.278.031)	253.259.588.778	(2.599.144.981)

b. Dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về lãi cho vay	-	-	22.739.205.273	-
Công ty TNHH SXTMDV Đồng Phú Hưng (*)	195.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (**)	300.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	5.072.729.334	-	-	-
Cộng	500.072.729.334	-	22.739.205.273	-

(*) Là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty TNHH SXTMDV Đồng Phú Hưng để thực hiện dự án Nhà cao tầng Đức Long New Land theo hợp đồng đầu tư số 1205/HĐĐTTC-DLG-DPH ngày 12/05/2016 và Phụ lục hợp đồng số 1205A/PLHĐĐTTC-DLG-DPH ngày 15/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**) Là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long để thực hiện dự án dự án Căn hộ cao cấp Sunshine Apartment theo hợp đồng đầu tư số 01005/IĐĐTTC-DLG-VGL ngày 10/05/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01005A/PLHDDTTC-DLG-VGL ngày 12/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.

c. Phải thu khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	130.631.972	-
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	-	1.635.037.883
Cộng		130.631.972	1.635.037.883

13. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	12.411.758.893	10.328.906.486
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.083.696.987	2.135.519.073
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.309.252.437	1.616.915.360
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	300.111.474	298.800.000
Cộng	22.104.819.791	14.380.140.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: nợ xấu

	31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn Ghi chú
Phải thu khách hàng	17.854.316.643	7.740.370.438	
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	17.320.654.943	7.740.370.438	Từ 1 năm đến trên 3 năm
			Đang khởi kiện Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi
Trả trước người bán	4.928.377.704	624.293.623	
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	1.490.000.000	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	3.438.377.704	624.293.623	Từ 1 năm đến trên 3 năm
			Không thực hiện hợp đồng Không thực hiện hợp đồng
Tạm ứng	67.479.236	-	
- Nguyễn Văn Hòa	67.479.236	-	Trên 3 năm
			Công nợ tồn lâu khó thu hồi
Phải thu về cho vay	7.972.371.581	3.289.860.107	
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	7.972.371.581	3.289.860.107	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
			Đang khởi kiện
Phải thu khác	3.722.590.387	785.791.592	
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	974.653.388	-	Trên 3 năm
- Nguyễn Đình Trạc	902.400.615	275.720.185	Từ 2-3 năm
- Đỗ Thanh	1.398.114.694	419.434.408	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	447.421.690	90.636.999	Từ 1 năm đến trên 3 năm
			CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi Chưa thu hồi được
Cộng	34.545.135.551	12.440.315.760	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2017				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	5.698.989.619	467.399.009		
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	-	Trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Các đối tượng khác	5.165.327.919	467.399.009	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi
Trả trước người bán	3.035.913.627	274.750.299		
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	1.490.000.000	-	Trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
- Các đối tượng khác	1.545.913.627	274.750.299	Trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
Tạm ứng	67.479.236	-		
- Nguyễn Văn Hòa	67.479.236	-	Trên 3 năm	Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng
Phải thu về cho vay	5.976.000.000	2.290.800.000		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	5.976.000.000	2.290.800.000	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Đang khởi kiện
Phải thu khác	2.831.641.763	196.934.018		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	974.653.388	-	Trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Phạm Trung	656.446.732	196.934.018	Từ 2-3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Bùi Tịnh	212.744.976	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Võ Châu Hoàng	490.630.823	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Lê Thế Kỳ	199.500.000	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	297.665.844	-	Trên 3 năm	Chưa thu hồi được
Cộng	17.610.024.245	3.229.883.326		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
14. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	65.694.380.117	(13.899.312.385)	48.626.321.710	(15.105.082.624)
Công cụ, dụng cụ	118.909.000	-	1.679.181	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	182.386.240.958	(2.448.127.745)	105.200.955.901	(418.036.488)
Thành phẩm	37.084.253.813	(3.720.378.305)	30.057.968.006	(5.969.618.800)
Thành phẩm bất động sản đầu tư	19.332.309.132	-	36.157.690.567	-
Hàng hóa	256.663.280.704	-	210.944.838.787	-
Cộng	561.279.373.724	(20.067.818.435)	430.989.454.152	(17.492.737.912)

- Toàn bộ giá trị thành phẩm bất động sản (19.332.309.132 đồng) đã được dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

15. Chi phí trả trước
a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25.236.368	68.082.612
Chi phí bảo hiểm	17.448.484	18.509.583
Chi phí trả trước khác	24.233.245	287.693.311
Cộng	66.918.097	374.285.506

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.008.009.642	520.433.640
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	214.999.985	407.745.415
Tiền thuê đất và nhà (*)	35.974.209.845	37.712.987.528
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.538.897.756	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	1.441.436.247	776.889.916
Cộng	43.177.553.475	39.418.056.499

- (*) Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	192.566.935.031	308.226.344.938	29.421.364.758	15.317.191.916	2.402.092.183.681	2.947.624.020.324
Phân loại lại	4.078.772.236	265.348.264.639	92.349.324.025	(9.109.259.225)	-	352.667.101.675
Mua sắm trong kỳ	4.748.275.834	1.668.495.910	370.727.273	1.093.407.280	1.942.805.303	9.823.711.600
XDCB hoàn thành	188.909.345.502	-	-	-	31.108.541.664	220.017.887.166
Chuyển từ BĐSĐT	1.340.344.287	-	-	-	-	1.340.344.287
CL do chuyển đổi	(241.293.708)	(3.013.265.317)	(16.680.890)	(25.031.766)	-	(3.296.271.681)
TL, nhượng bán	7.599.856.286	-	510.367.000	-	18.437.772.080	26.547.995.366
Giảm khác	-	-	-	-	20.411.888.086	20.411.888.086
Thay đổi do hợp nhất	-	-	5.940.202.726	(340.000.000)	-	5.600.202.726
Số cuối kỳ	383.802.522.896	572.229.840.170	127.554.570.892	6.936.308.205	2.396.293.870.482	3.486.817.112.645
Khấu hao						
Số đầu kỳ	49.678.428.204	274.295.967.005	20.507.737.072	9.154.532.305	94.200.888.847	447.837.553.433
Phân loại lại	4.660.788.960	265.407.797.977	86.127.043.990	(3.342.937.517)	-	352.852.693.410
Khấu hao trong kỳ	12.942.689.215	13.503.386.194	2.139.410.451	1.197.174.304	84.152.581.113	113.935.241.277
Chuyển từ BĐSĐT	585.283.658	-	-	-	-	585.283.658
CL do chuyển đổi	(225.447.675)	(2.917.803.035)	(169.581.461)	(116.267.872)	-	(3.429.100.043)
TL, nhượng bán	3.256.301.942	-	510.367.000	-	6.288.489.644	10.055.158.586
Thay đổi do hợp nhất	-	-	2.815.108.681	(340.000.000)	-	2.475.108.681
Số cuối kỳ	64.385.440.420	550.289.348.141	110.909.351.733	6.552.501.220	172.064.980.316	904.201.621.830
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	142.888.506.827	33.930.377.933	8.913.627.686	6.162.659.611	2.307.891.294.834	2.499.786.466.891
Số cuối kỳ	319.417.082.476	21.940.492.029	16.645.219.159	383.806.985	2.224.228.890.166	2.582.615.490.815

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 2.497.477.498.737 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 640.098.842.514 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	Website	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai (a)	Quan hệ khách hàng khế ước (b)	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	38.690.714.270	617.689.701	34.760.000	433.079.792	123.992.186.056	32.993.300.000	196.761.729.819
Phân loại lại	-	-	(34.760.000)	34.760.000	12.838.508.265	-	12.838.508.265
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi do hợp nhất	-	-	-	(35.395.792)	-	-	(35.395.792)
CL do chuyển đổi	-	-	-	-	(1.353.224.711)	(348.362.500)	(1.701.587.211)
Thanh lý, nhượng bán	3.206.340.000	-	-	-	-	-	3.206.340.000
Số cuối kỳ	35.484.374.270	617.689.701	-	432.444.000	135.477.469.610	32.644.937.500	204.656.915.081
Khấu hao							
Số đầu kỳ	66.554.675	105.260.789	19.793.891	310.822.832	109.824.750.000	1.649.665.000	111.976.847.187
Phân loại lại	-	3.743.251	(19.793.891)	16.050.640	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	21.585.300	36.334.680	-	69.583.008	8.196.644.775	3.275.731.250	11.599.879.013
Thay đổi do hợp nhất	-	-	-	(35.395.792)	-	-	(35.395.792)
CL do chuyển đổi	-	-	-	-	(1.187.712.600)	(28.655.625)	(1.216.368.225)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	88.139.975	145.338.720	-	361.060.688	116.833.682.175	4.896.740.625	122.324.962.183
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	38.624.159.595	512.428.912	14.966.109	122.256.960	14.167.436.056	31.343.635.000	84.784.882.632
Số cuối kỳ	35.396.234.295	472.350.981	-	71.383.312	18.643.787.435	27.748.196.875	82.331.952.898

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 34.515.851.270 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 215.975.000 đồng.
- (a) Chi phí triển khai là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng sẽ được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.
- (b) Tài sản cố định vô hình “Quan hệ kinh doanh với khách hàng” phát sinh trong năm 2016 khi Công ty mua mảng hoạt động kinh doanh điện tử tại Hàn Quốc. Giá trị của tài sản này tại ngày mua là 1.450.000 USD (tương đương 11.237.500 HKD). Công ty khấu hao tài sản cố định vô hình này dựa theo thời gian ước tính sử dụng là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
18. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	57.490.038.178	124.210.456.151
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển qua TSCĐ HH	-	1.340.344.287	1.340.344.287
Số cuối kỳ	66.720.417.973	56.149.693.891	122.870.111.864
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	15.993.939.494	15.993.939.494
Khấu hao trong kỳ	-	2.135.727.567	2.135.727.567
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển qua TSCĐ HH	-	585.283.658	585.283.658
Số cuối kỳ	-	17.544.383.403	17.544.383.403
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	41.496.098.684	108.216.516.657
Số cuối kỳ	66.720.417.973	38.605.310.488	105.325.728.461

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thế chấp đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 105.325.728.461 đồng.
- Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.453.507.160 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá 66.720.417.973 đồng, diện tích 582,7 m², thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: cho thuê. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai.

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản	660.713.035.677	603.458.413.186
- Dự án trồng cao su tại IaBlư (948 ha)	166.687.563.209	156.737.763.942
- Dự án thủy điện Đồng Nai 6 (*)	11.709.800.729	11.709.800.729
- Trồng rừng cao su 980 ha Chư Puh (980 ha)	214.043.054.100	188.371.955.034
- Dự án chăn nuôi bò	29.960.978.416	28.987.614.731
- Dự án nhà máy điện Tân Thợng	235.943.435.033	46.613.409.169
- Dự án Khách sạn Đức Long tại Đăk Nông	318.181.818	318.181.818
- Dự án DLGL Hotel Pleiku	1.194.189.772	-
- Các công trình xây dựng khác	855.832.600	170.719.687.763
Cộng	660.713.035.677	603.458.413.186

- Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 616.674.052.342 đồng.

(*) Dự án Thủy điện Đồng Nai 6 đã bị loại khỏi quy hoạch tổng thể của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, ngày 25/10/2017, Tập đoàn đã có Công văn số 258/CV-DLG xin chủ trương tiếp tục đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn đang chờ phản hồi từ cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.675.260.714	14.836.266.114
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	2.698.976.064	2.746.228.992
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.374.236.778	17.582.495.106

21. Lợi thế thương mại

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị đầu kỳ	263.086.701.032	290.583.869.855
Tăng trong kỳ	11.038.633.008	-
Phân bổ trong kỳ	31.132.024.820	30.244.394.034
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	(2.672.916.817)	2.747.225.211
Giá trị cuối kỳ	240.320.392.403	263.086.701.032

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	2.571.612.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	5.722.742.400	23.317.960.600
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kim Lan	4.780.461.937	8.736.481.937
Hung Fai Industrial Technology Ltd	53.379.310.770	28.510.896.028
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	-
Công ty CP Lilama 45.3	32.217.246.000	21.656.329.000
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	34.984.310.409	34.056.318.866
Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	55.349.625.000	-
Công ty TNHH Cơ điện Tuấn Huy	21.634.645.393	-
QiaoLian Electronics DongGuan CO.,LTD.	11.803.604.918	6.484.253.005
Các đối tượng khác	270.108.265.124	288.963.946.842
Cộng	495.283.480.952	411.726.186.278

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	-	1.020.745.524
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Thuyết minh số 47.a	-	2.248.670.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông GL	Thuyết minh số 47.a	2.731.657.000	-
Cộng		2.731.657.000	3.269.415.524

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (*)	12.180.800.000	12.180.800.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	3.563.779.420	41.250.000.000
Các đối tượng khác	72.531.108.067	34.106.682.335
Cộng	88.275.687.487	87.537.482.335

(*) Là khoản ứng trước theo hợp đồng số 01/HDCNCP ngày 31/12/2015 về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai.

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Thuyết minh số 47.a	3.563.779.420	41.250.000.000
Cộng		3.563.779.420	41.250.000.000

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	4.303.677.929	49.139.406.271	30.457.236.224	(907.142.902)	-	-	22.078.705.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	64.525.468.943	23.586.932.274	7.718.739.714	(191.842.358)	(484.604.100)	363.934.795	80.081.149.840
Thuế thu nhập cá nhân	-	87.649.975	96.708.941	119.955.647	-	-	-	64.403.269
Thuế tài nguyên	-	169.628.550	99.914.400	169.628.550	-	-	-	99.914.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.117.848.936	2.228.688.875	3.404.711.766	-	-	-	941.826.045
Các loại thuế khác	1.052.434	184.083.123	1.510.373.444	243.640.000	1.052.434	-	-	1.450.816.567
Phí và lệ phí	-	44.336.800	95.183.740	53.655.540	-	-	-	85.865.000
Cộng	1.052.434	71.432.694.256	76.757.207.945	42.167.567.441	(1.097.932.826)	(484.604.100)	363.934.795	104.802.680.195

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	98.288.450.430	18.093.197.655
Chi phí lãi vay	13.156.012.399	10.333.476.514
Chi phí văn phòng	12.676.242.052	6.023.224.934
Chi phí kiểm toán	1.527.303.750	2.685.008.700
Các khoản trích trước khác	31.299.650.266	30.431.431.628
Cộng	156.947.658.897	67.566.339.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
26. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Doanh thu cho thuê mặt bằng	122.727.273	114.545.458
Doanh thu thu phí đường bộ nhận trước	-	470.809.092
Cộng	122.727.273	585.354.550

27. Phải trả khác
a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	155.029.214	103.209.183
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	695.540.630	617.624.290
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.443.858.450	1.443.858.450
Lãi vay phải trả	118.095.983.125	94.414.763.983
Cổ tức phải trả	148.747.837	148.747.837
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.285.356.175	12.518.842.024
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.435.926.009	326.841.504
Cộng	133.260.441.440	109.573.887.271

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	-	7.746.335.250
Cộng	4.000.000.000	7.746.335.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Vay và nợ thuê tài chính
a. Ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	434.380.095.049	709.830.292.449	715.697.531.732	3.141.000.000	(44.590.970)	431.609.264.796
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	42.400.000.000	86.457.000.000	86.609.000.000	-	-	42.248.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	285.631.123.382	405.671.626.956	450.397.610.338	-	-	240.905.140.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	60.000.000.000	128.500.000.000	103.500.000.000	-	-	85.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông VN - CN TPHCM	-	73.438.614.270	28.438.614.270	-	-	45.000.000.000
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - USD	-	2.259.125.000	-	-	(7.750.000)	2.251.375.000
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - HKD	1.264.447.120	-	1.255.403.050	-	(9.044.070)	-
- Shinhan Bank (KRW)	-	8.102.796.350	-	-	(27.796.900)	8.074.999.450
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	27.547.616.232	2.050.000.000	29.597.616.232	-	-	-
- Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	16.637.908.315	3.351.129.873	11.899.297.842	-	-	8.089.750.346
- Các đối tượng khác	899.000.000	-	4.000.000.000	3.141.000.000	-	40.000.000
Các khoản mượn bằng tiền	935.033.295	285.555.454.574	262.816.008.893	573.361.504	-	24.247.840.480
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	-	19.000.000	248.500.000	573.361.504	-	343.861.504
- Phan Đình Trung	-	218.000.000.000	195.000.000.000	-	-	23.000.000.000
- Các đối tượng khác	935.033.295	67.536.454.574	67.567.508.893	-	-	903.978.976
Vay dài hạn đến hạn trả	126.240.264.542	122.022.685.918	96.827.666.400	(171.600.000)	-	151.263.684.060
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	32.000.000.000	62.000.000.000	37.000.000.000	-	-	57.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	41.200.000.000	16.364.492.000	22.264.492.000	-	-	35.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	6.614.374.000	4.360.134.800	5.587.254.400	-	-	5.587.254.400
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	45.778.370.542	37.942.939.118	31.500.000.000	-	-	52.221.309.660
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở giao dịch	527.520.000	1.155.120.000	355.920.000	(171.600.000)	-	1.155.120.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Đắk Lắk	120.000.000	-	120.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	133.577.248.732	2.797.251.268	-	-	-	136.374.500.000
Cộng	695.132.641.618	1.120.205.684.209	1.075.341.207.025	3.542.761.504	(44.590.970)	743.495.289.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	2.631.550.831.302	314.287.688.880	121.636.955.740	15.667.504.852	-	2.839.869.069.294
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai (i1)	977.939.403.535	21.810.000.000	37.000.000.000	-	-	962.769.403.535
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (i2)	1.352.716.672.818	279.228.704.000	22.264.492.000	-	-	1.609.680.884.818
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai (i3)	63.555.018.800	-	5.587.254.400	-	-	57.967.764.400
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM (i4)	235.493.066.129	-	31.500.000.000	-	-	203.993.066.129
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở giao dịch (i5)	1.586.670.000	-	755.520.000	2.514.800.000	-	3.345.950.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Đắk Lắk (i6)	240.000.000	-	240.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH SX&TM DV Đồng Phú Hương (i7)	-	6.852.000.000	9.922.000.000	5.182.000.392	-	2.112.000.392
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (i8)	-	6.396.984.880	13.844.329.640	7.447.344.760	-	-
Trái phiếu thường	495.661.789.736	136.104.860.935	2.211.000.000	-	-	629.555.650.671
Cộng	3.127.212.621.038	450.392.549.815	123.847.955.740	15.667.504.852	-	3.469.424.719.965
Trong đó:						
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	126.240.264.542	-	-	-	-	151.263.684.060
- Trái phiếu phát hành đến hạn	133.577.248.732	-	-	-	-	136.374.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.867.395.107.764					3.181.786.535.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/06/2014 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi – Lãi suất cơ sở – biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 29/05/2014 với hạn mức vay là 997.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015). Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đăk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đăk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/08/2008 đến ngày 14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay là để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlứ, Huyện Chư Pư, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để cơ cấu lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ ngày 14/10/2011. Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng 980,4 ha cao su, hạn mức: 130.862.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên, lãi suất vay: theo thỏa thuận. Thời hạn trả gốc: bắt đầu trả từ năm 2019. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2011), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/01/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,0%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

(i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

(i.5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở Giao dịch:

- Hợp đồng tín dụng số 079/14/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 780.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- 9,5%/năm. Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau: sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Fortuner V 7 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 015/15/HĐTD/101-63 ngày 05/02/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 096/15/HĐTD/101-63 ngày 22/06/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (i.6) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM- Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 0282/13/HĐTD-TH ngày 25/10/2013 với hạn mức vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô xe Toyota Fortuner 2.5G.
- (i.7) Vay Công ty TNHH SXTMDV Đồng Phú Hưng theo Hợp đồng vay số 01/BDS-ĐPH ngày 20/01/2017, thời hạn vay là 36 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay là 5%/năm.
- (i.8) Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Gia Long theo Hợp đồng vay số 01/BDS-VGL ngày 20/01/2017, thời hạn vay là 36 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay là 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
d. Trái phiếu phát hành

	31/12/2017				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy kế	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	3.908.523.298	363.389.694.004	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	134.000.000.000	2.211.000.000	2.456.667	131.791.456.667	10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	134.000.000.000	2.386.675.206	2.386.675.206	134.000.000.000	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	634.374.500.000	11.116.504.500	6.297.655.171	629.555.650.671	

	01/01/2017				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	2.603.370.299	362.084.541.005	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	134.000.000.000	2.386.675.206	1.589.423.937	133.202.748.731	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	500.374.500.000	8.905.504.500	4.192.794.236	495.661.789.736	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	12.091.150.520	5.475.243.634
Cộng	<u>12.091.150.520</u>	<u>5.475.243.634</u>

30. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng tài cơ cấu (*)	3.242.148.490	1.976.940.920
Cộng	<u>3.242.148.490</u>	<u>1.976.940.920</u>

(*) Sau khi DLG kết thúc việc mua lại Công ty TNIII Mass Noble, việc tái cơ cấu doanh nghiệp đã được thống nhất thực hiện nhằm sắp xếp hợp lý các dây chuyền lắp ráp và tổ chức lại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và năng suất hoạt động, từ đó tăng giá trị lợi ích cho các cổ đông trong vòng 12-24 tháng tới.

Kế hoạch tái cơ cấu tổng thể chủ yếu bao gồm các phần chính:

- Giai đoạn 1: Tổ chức lại dây chuyền sản xuất bằng cách sắp xếp công việc hợp lý để tăng cường hoạt động tự động hóa bằng cách giảm thiểu các nhân viên nhà máy tạm thời hoặc nhân viên nhân rỗi;
- Giai đoạn 2: Tái cơ cấu tổ chức và chức năng của các bộ phận, chẳng hạn như đóng cửa bộ phận Nghiên cứu và Phát triển và chuyển đến Việt Nam;
- Giai đoạn 3: Tăng năng suất tự động và phân bổ lại các lực lượng lao động cấp cao cho Việt Nam. Do đó, một số nhân viên dự kiến sẽ được phân bổ lại công việc hoặc cho thôi việc.

Ban Giám đốc của Công ty đã ước tính chi phí dự kiến cho kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, bao gồm việc cắt giảm nhân viên và bồi thường cho nhân viên thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	1.691.861.170.000	49.928.104.500	94.188.783.378	8.977.680.000	10.031.813.727	11.134.542.824	136.973.267.932
Tăng trong kỳ	609.582.250.000 (*)	44.639.233.828	-	-	2.508.361.321	-	57.362.369.902
Giảm trong kỳ	-	44.054.550.000	94.188.783.378	8.977.680.000	-	4.938.105.865	68.250.000.000
Số dư tại 31/12/2016	2.301.443.420.000	50.512.788.328	-	-	12.540.175.048	6.196.436.959	126.085.637.834
Số dư tại 01/01/2017	2.301.443.420.000	50.512.788.328	-	-	12.540.175.048	6.196.436.959	126.085.637.834
Tăng trong kỳ	549.134.730.000	-	-	-	-	-	57.306.546.654
Giảm trong kỳ	-	1.880.000	-	-	(138.279.652)	-	2.600.000.000
Số dư tại 31/12/2017	2.850.578.150.000	50.510.908.328	-	-	12.678.454.700	6.196.436.959	180.792.184.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm 2016 là 609.582.250.000 đồng từ các nguồn sau:

- Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu: 65.750.000.000 đồng
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần: 43.832.250.000 đồng
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ); Dự án Thủy điện và Năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2017 như sau:

Nội dung	Phương án sử dụng vốn	Vốn đã sử dụng đến 31/12/2017	Vốn chưa sử dụng
Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	159.926.383.234	144.866.255.055
Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	117.215.181.926	100.510.305.831
Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Cộng	500.000.000.000	327.141.565.160	172.858.434.840

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.301.443.420.000	1.691.861.170.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	549.134.730.000	609.582.250.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.850.578.150.000	2.301.443.420.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	285.057.815	230.144.342
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	285.057.815	230.144.342
- Cổ phiếu phổ thông	285.057.815	230.144.342
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	285.057.815	230.144.342
- Cổ phiếu phổ thông	285.057.815	230.144.342
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	126.085.637.834	136.973.267.932
Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế (35.242)		4.688.786.365
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.306.581.896	52.673.583.537
Phân phối lợi nhuận	2.600.000.000	68.250.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.600.000.000	68.250.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.600.000.000	2.500.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	65.750.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	180.792.184.488	126.085.637.834

32. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	156.514.602.188	158.276.824.130
Điều chỉnh LICDTS năm trước	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	95.855.777.707	21.545.655.213
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	2.055.291.688	2.638.073.359
- Tăng từ góp vốn	-	18.600.000.000
- Tăng từ hợp nhất công ty con và tăng khác	93.797.238.921	-
- Tăng từ CLTG chuyển đổi	3.211.857	58.262.353
- Tăng từ điều chỉnh tỷ lệ sở hữu	35.241	249.319.501
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	1.366.850.422	23.307.877.155
- Thoái vốn	1.366.850.422	23.307.877.155
Cộng	251.003.529.473	156.514.602.188

33. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
- USD	483.200,73	999.411,89
- EUR	1.806,11	1.817,54
- RMB	1.988.067,02	170.643,11
- KRW	82.488.869,00	39.285.225,00
- GBP		
Nợ khó đòi đã xử lý	1.064.648.999	1.064.648.999
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Các đối tượng khác	428.217.230	428.217.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng	2.329.002.963.027	1.877.775.050.297
- Doanh thu bán đá	259.034.247.118	241.341.637.143
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	1.614.185.250.361	1.106.517.019.963
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	23.864.518.648	16.435.758.491
- Doanh thu bán phân bón	378.781.061.700	495.417.104.700
- Doanh thu bán bò, bê thành phẩm	29.712.685.000	-
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp (đậu nành...)	23.309.760.000	18.063.530.000
- Doanh thu bán hàng khác	115.440.200	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	353.255.820.305	349.080.006.622
- Doanh thu cho thuê tài sản	7.361.209.512	6.005.854.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.344.561.004	25.134.776.202
- Doanh thu phí BOT	338.911.859.101	312.475.227.286
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	638.190.688	5.464.149.047
Doanh thu xây lắp	231.585.965.306	263.767.035.055
Cộng	2.913.844.748.638	2.490.622.091.974

35. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Chiết khấu thương mại	14.123.964.965	2.396.526.645
Hàng bán trả lại	2.211.386.045	10.943.934.280
Cộng	16.335.351.010	13.340.460.925

36. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán hàng	2.080.290.985.950	1.726.968.718.077
- Giá vốn bán đá	255.608.563.643	238.469.735.988
- Giá vốn linh kiện điện tử	1.395.956.377.475	965.802.191.958
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	18.678.977.326	14.595.877.742
- Giá vốn bán phân bón	372.020.317.916	490.403.927.389
- Giá vốn bán bò, bê thành phẩm	14.939.947.394	-
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	22.933.003.000	17.696.985.000
- Giá vốn bán hàng khác	153.799.196	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	128.503.359.272	134.784.922.993
- Giá vốn cho thuê tài sản	5.743.046.122	4.643.979.394
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.567.100.786	21.573.488.503
- Giá vốn thu phí BOT	116.737.265.090	106.457.243.982
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	455.947.274	2.110.211.114
Giá vốn công trình xây lắp	198.054.431.310	155.964.825.403
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.769.279.150	(3.057.533.937)
Cộng	2.409.618.055.682	2.014.660.932.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.137.290.172	85.960.246.068
Cổ tức, lợi nhuận được chia	207.270.000	207.270.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.740.552.447	1.612.723.258
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	107.439.589
Lãi từ thoái vốn	370.291.918	20.626.300
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	35.936.660.000	-
Cộng	153.392.064.537	87.908.305.215

38. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	294.520.905.266	229.527.476.955
Lãi trái phiếu	53.698.424.658	63.963.289.303
Dự phòng giảm giá và tổn thất đầu tư dài hạn	(1.894.771.526)	109.533.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.469.764.713	289.361.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.381.231	-
Phí phát hành trái phiếu	2.104.860.935	2.166.293.157
Lỗ từ hợp nhất kinh doanh	551.724.754	13.461.785.036
Chi phí tài chính khác	1.908.466.166	-
Cộng	352.360.756.197	309.517.738.879

39. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí hoa hồng	3.826.718.720	2.521.274.593
Chi phí nhân công	184.537.307	351.726.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.670.000	97.623.510
Chi phí vận chuyển	33.031.369.140	13.424.476.158
Các khoản khác	3.978.184.850	2.575.801.762
Cộng	41.173.480.017	18.970.902.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu	1.616.069.751	353.978.041
Chi phí nhân công	70.491.913.384	53.196.632.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.703.498.990	5.164.817.987
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.006.811.163	2.857.464.463
Phân bổ lợi thế thương mại	31.132.024.820	30.244.394.034
Các khoản khác	50.900.312.678	39.542.720.799
Cộng	171.850.630.786	131.360.007.832

40. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	20.060.417.708	632.149.510
Các khoản thu nhập khác	1.583.483.962	2.284.531.314
Cộng	21.643.901.670	2.916.680.824

41. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý của tài sản cố định thanh lý	2.196.358.220	602.856.025
Chi phí tiền chậm nộp (do Công ty tự xác định và tự nộp, không có biên bản phạt của cơ quan thuế)	437.005.562	5.718.892.643
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	800.891.744	1.781.171.891
Phạt thuế (*)	1.194.330.826	-
Thuế GTGT đầu vào của khối lượng bị K'TNN cắt giảm	1.659.948.736	-
Chi phí khấu hao của TSCĐ không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	1.374.060.688	-
Chi phí khác	1.331.569.739	133.787.976
Cộng	8.994.165.515	8.236.708.535

(*) Là tiền phạt thuế tại các Công ty con theo các Quyết định:

- Quyết định số 1092/QĐ-CT ngày 12/10/2017 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc "Xử phạt vi phạm hành chính về thuế" đối với Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai;
- Quyết định số 1049/QĐ-CT ngày 03/10/2017 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc "Xử lý vi phạm thuế" đối với Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.752.437.094	85.524.815.385
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	14.568.694.242	9.176.833.540
- Điều chỉnh tăng	45.056.090.559	38.145.419.908
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	438.356.300	5.896.406.165
+ Các khoản chi phí không được trừ khác	14.219.820.928	6.867.921.208
+ Lãi vay tương ứng với vốn góp thiếu	9.098.597.802	8.077.614.520
+ Lỗ tại các Công ty liên kết	(204.161.456)	(164.488.199)
+ Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	19.612.660.008	1.778.263.431
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư cuối kỳ của tiền và nợ phải thu	1.381.231	-
+ Lỗ do thoái vốn tại Công ty con	-	13.434.658.736
+ Lỗ từ giao dịch mua Công ty con	551.724.754	-
+ Phân bổ lợi thế thương mại	551.931.650	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	785.779.342	2.255.044.047
- Điều chỉnh giảm	30.487.396.317	28.968.586.368
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	207.270.000	207.270.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	107.439.589
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	28.761.615.053	18.391.359.268
+ Lãi do thoái vốn tại Công ty con	370.291.918	-
+ Điều chỉnh khấu hao tài sản cố định	7.408.742	1.721.300.546
+ Chuyển lỗ của các Công ty con	525.767.001	3.306.239.365
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	615.043.603	5.234.977.600
Tổng thu nhập chịu thuế	103.321.131.336	94.701.648.925
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.586.932.274	25.877.098.103
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	21.203.833.480	25.877.098.103
- Chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	2.383.098.794	-
Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.803.631.236	4.242.300.353
Lợi nhuận sau thuế TNDN	59.361.873.584	55.405.416.929
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.055.291.688	2.731.833.392
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	57.306.581.896	52.673.583.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.306.581.896	52.673.583.537
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.600.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	2.600.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.306.581.896	50.073.583.537
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	278.588.557	210.092.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	206	238

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2017 được tính khi chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi. Đại hội cổ đông của Công ty không qui định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được, ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cụ thể và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Do đó, chỉ tiêu “lãi cơ bản trên cổ phiếu”, “lãi suy giảm trên cổ phiếu” có thể thay đổi tùy thuộc vào số quỹ khen thưởng phúc lợi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau này.

44. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.060.873.334.562	723.165.564.014
Chi phí nhân công	330.029.025.494	307.696.534.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.369.137.323	117.101.593.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.657.303.790	205.554.648.866
Chi phí khác bằng tiền	13.134.542.524	54.816.809.737
Cộng	2.026.063.343.693	1.408.335.150.510

45. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	483.200,73	999.411,89
- EUR	1.806,11	1.817,54
- RMB	1.988.067,02	170.643,11
- KRW	82.488.869,00	39.285.223,00
Phải thu khách hàng		
- USD	11.916.360,82	9.314.757,97
- KRW	857.664.123,75	51.021.140.567,25
- LAK	50.348.391.902,25	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- USD	-	15.583,87
- RMB	-	31.340,00
- KRW	-	6.059.639,00
Phải thu khác		
- RMB	2.349.220,00	671.910,20
- USD	40.873,00	107.827,30
- KRW	170.380.000,00	303.662.857,00
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn		
- KRW	284.425.580,65	263.085.534,91
- USD	194.155,57	336.545,49
- GBP	2.222,00	3.396,02
- EUR	-	1.472,21
- RMB	8.400.954,16	7.361.205,77
Phải trả ngắn hạn khác		
- USD	-	496.419,27
Vay ngắn hạn		

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Tập đoàn ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, Tập đoàn đang gặp rủi ro do chưa chuyển nhượng được số chứng khoán kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 7. Hiện nay, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tồn thất thì Tập đoàn đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	495.283.480.952	-	495.283.480.952
Chi phí phải trả	156.947.658.897	-	156.947.658.897
Vay và nợ thuê tài chính	743.495.289.336	3.181.786.535.905	3.925.281.825.241
Phải trả khác	132.409.871.596	4.000.000.000	136.409.871.596
Cộng	<u>1.528.136.300.781</u>	<u>3.185.786.535.905</u>	<u>4.713.922.836.686</u>
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	411.726.186.278	-	411.726.186.278
Chi phí phải trả	67.566.339.431	-	67.566.339.431
Vay và nợ thuê tài chính	695.132.641.618	2.867.395.107.764	3.562.527.749.382
Phải trả khác	108.853.053.798	7.746.335.250	116.599.389.048
Cộng	<u>1.283.278.221.125</u>	<u>2.875.141.443.014</u>	<u>4.158.419.664.139</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.765.558.712	-	373.765.558.712
Chứng khoán kinh doanh	282.423.265.980	-	282.423.265.980
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.039.106.073	-	15.039.106.073
Phải thu khách hàng	692.608.912.507	-	692.608.912.507
Phải thu về cho vay	984.716.912.864	752.538.483.608	1.737.255.396.472
Phải thu khác	118.106.857.294	500.072.729.334	618.179.586.628
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.220.000.000	2.220.000.000
Cộng	2.466.660.613.430	1.254.831.212.942	3.721.491.826.372
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.808.960.822	-	96.808.960.822
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	316.094.590.556	-	316.094.590.556
Phải thu khách hàng	596.275.084.202	-	596.275.084.202
Phải thu về cho vay	896.472.564.619	225.647.099.300	1.122.119.663.919
Phải thu khác	232.084.849.992	22.739.205.273	254.824.055.265
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	29.850.959.106	29.850.959.106
Cộng	2.401.736.050.191	278.237.263.679	2.679.973.313.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của các Công ty trong Tập đoàn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Tập đoàn đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu									Đơn vị tính: VND	
	Bán hàng hóa, lĩnh vực điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.856.884.146.469	77.002.403.848	378.781.061.700	570.497.824.407	638.190.688	-	13.705.770.516	-	2.897.509.397.628	
Doanh thu giữa các bộ phận	(265.606.500.081)	-	-	(177.813.678.156)	-	-	(2.099.999.996)	445.520.178.233	-	-
Giá vốn của bộ phận	1.657.223.524.543	56.705.726.916	372.020.317.916	311.902.392.125	455.947.274	-	11.310.146.908	-	2.409.618.055.682	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	199.660.621.926	20.296.676.932	6.760.743.784	258.595.432.282	182.243.414	-	2.395.623.608	-	487.891.341.946	
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2017	1.932.928.614.075	1.293.564.140.379	59.249.527.402	3.661.897.335.177	720.148.486	670.041.076.062	682.316.854.184	-	8.300.717.695.765	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	11.773.736.285	
Tổng tài sản									8.312.491.432.050	
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2017	1.002.118.991.120	662.202.646.384	56.954.872.636	2.814.373.655.628	168.419.774	210.918.827.092	166.349.401.171	-	4.913.086.813.805	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	47.644.954.297	
Tổng nợ phải trả									4.960.731.768.102	
Khấu hao và chi phí phân bổ	58.233.220.797	3.905.252.881	889.729.090	88.338.888.430	23.056.440	2.313.179.956	6.341.175.511	-	160.044.503.105	
- Khấu hao	57.941.439.554	3.786.241.251	606.623.803	86.375.807.769	-	529.929.006	6.129.093.940	-	155.369.137.323	
- Chi phí phân bổ 142,242	291.781.243	119.011.630	283.103.287	1.963.060.661	23.056.440	1.783.250.950	212.061.571	-	4.675.365.782	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su, NN	Kinh doanh Phân bón	Hoạt động xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.331.547.802.000	34.499.288.491	495.417.104.700	576.242.262.341	5.464.149.047	2.970.394.181	31.140.630.289	2.477.281.631.049
Giá vốn của bộ phận	1.198.827.153.611	32.292.862.742	490.403.927.389	262.422.069.385	2.110.211.114	2.387.240.398	26.217.467.897	2.014.660.932.536
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.720.648.389	2.206.425.749	5.013.177.311	313.820.192.956	3.353.937.933	583.153.783	4.923.162.392	462.620.698.513
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2016	1.658.177.704.455	2.236.977.678.753	35.338.122.923	2.740.482.647.450	499.854.255	1.977.709.418	278.281.139.122	6.951.734.856.376
Tài sản không phân bổ								53.913.244.643
Tổng tài sản								7.005.648.101.019
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2016	533.543.729.846	1.281.343.965.145	1.500.001	2.387.753.900.281	179.304.338	316.100.000	121.069.610.551	4.324.208.110.162
Nợ phải trả không phân bổ								28.146.930.499
Tổng nợ phải trả								4.352.355.040.661
Khấu hao và chi phí phân bổ								
- <i>Khấu hao</i>	26.435.589.819	6.762.094.144	401.777.832	76.138.961.325	-	-	7.363.170.104	117.101.593.224
- <i>Chi phí phân bổ 142.242</i>	1.531.033.315	241.456.959	171.129.982	1.858.089.904	7.500.510	-	374.382.985	4.183.593.655
Khấu hao và chi phí không phân bổ								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

47. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại Công ty này là 40%.
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NI. Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại Công ty này là 33,33%. Ông Nguyễn Đình Trạc – Thành viên HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này.
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp - Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này.
Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 40%. Ông Nguyễn Đình Trạc – Thành viên HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty CP Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty CP TNHH K.T Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại Công ty này là 9,7%. Ông Nguyễn Đình Trạc – Thành viên HĐQT của DLG đồng thời là thành viên góp vốn của Công ty này.
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 4%.
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại Công ty này là 1%.
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Có chung cổ đông lớn là ông Bùi Pháp. Ngoài ra ông Bùi Pháp là Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Cung ứng VT NL Tây Nguyên	Bán hàng hóa	513.951.400.500	342.569.226.600
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Bán thành phẩm, hàng hóa	9.226.237.500	1.093.225.545
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Bán thành phẩm, hàng hóa	2.470.050.000	2.046.889.169
	Cho thuê tài sản	567.864.585	-
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Dịch vụ xây lắp	102.520.934.111	-
Công ty CP DV CTCC Đức Long Bảo Lộc	Cho thuê tài sản	3.561.890.376	3.561.890.376
Mua hàng, nhận dịch vụ			
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Dịch vụ xây lắp	3.987.304.763	4.367.635.455
Các giao dịch khác			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Trả lãi vay	18.875.631.972	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức được nhận	207.270.000	207.270.000

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	256.705.769	268.592.307

48. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

49. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo số liệu tại Thuyết minh số 5 của Báo cáo tài chính hợp nhất này.



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy



Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên